



NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

Báo Cáo Thường Niên 2013

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Năm 2013 nền kinh tế Việt Nam và ngành ngân hàng vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nợ xấu tăng, nhu cầu tín dụng yếu, qui mô hoạt động giảm, thay đổi giá trị, xây dựng chiến lược mới là điểm chung của các ngân hàng. Hơn 18 năm hoạt động từ một ngân hàng nông thôn chuyển đổi thành ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nam Việt (NAVIBANK) đã có sự phát triển vượt bậc với 91 điểm giao dịch trên các thành phố, các tỉnh thành và đội ngũ hơn 1.500 cán bộ nhân viên. Tuy vậy, mô hình hoạt động của NAVIBANK đã không còn phù hợp với môi trường kinh tế thay đổi từng ngày, với tình hình khủng hoảng và với nhu cầu thay đổi nhanh chóng của chính Ngân hàng. Do vậy, NAVIBANK cần phải thay đổi, phải tái cấu trúc để thích ứng với tình hình mới.

Trong năm 2013 NAVIBANK đã có các chuyển biến quan trọng với việc thay đổi cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị. Hội đồng quản trị đã thành lập và đưa vào hoạt động các ủy ban, hội đồng chuyên trách. Cơ cấu tổ chức thay đổi với việc phân chia rõ ràng các khối kinh doanh, các khối quản trị và hỗ trợ, tăng cường khả năng quản trị rủi ro của hệ thống. Các chương trình kinh doanh được triển khai hàng loạt với sự nỗ lực phấn đấu của các cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống bước đầu đã mang lại kết quả tích cực (Tổng tài sản tăng 34%, huy động tăng 20%, dư nợ tăng 4,6%, lợi nhuận tăng hơn 7 lần so với năm 2012). Bên cạnh đó, các chương trình sinh hoạt, đào tạo tập thể được triển khai trên toàn hệ thống nhằm đặt nền tảng cho việc xây dựng một văn hóa NAVIBANK mới, vững mạnh.

NAVIBANK cũng đã tiến hành đánh giá toàn diện chiến lược và đề xuất ý tưởng về một chiến lược mới cho giai đoạn 2013-2018. NAVIBANK sẽ hướng đến việc lấy khách hàng làm trung tâm, cung cấp các sản phẩm tín dụng thiết yếu, trở thành ngân hàng bán lẻ hiệu quả nhất trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng và trở thành ngân hàng phục vụ kinh doanh với các giải pháp tài chính ngắn hạn, trung hạn linh hoạt và trọn gói, đồng hành cùng sự phát triển của khách hàng với các dịch vụ tư vấn chuyên biệt. NAVIBANK sẽ phát triển dựa trên các giá trị cốt lõi “*Thân thiện – Chuyên nghiệp – Sáng tạo – Hiệu quả - Liêm chính*”, để NAVIBANK thực sự trở thành “**Ngân hàng củabạn**” đối với tất cả các khách hàng và cán bộ nhân viên. Ngân hàng TMCP Nam Việt cũng đã quyết định đổi tên thành **Ngân hàng TMCP Quốc Dân** (NCB) và chuyển trụ sở từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội như một quyết tâm thay đổi toàn diện triết lý và chiến lược phát triển của NAVIBANK.

Năm 2014 được đánh giá là sẽ còn tiếp tục khó khăn và thách thức, chúng ta đặt mục tiêu tăng tốc kinh doanh, xử lý nợ quá hạn và ổn định cơ cấu để Ngân hàng tiếp tục phát triển ổn định đồng thời tiến hành xây dựng các cơ sở nền tảng cho việc phát triển lâu dài trong tương lai.

Tôi xin chân thành cảm ơn các quý vị đối tác, các khách hàng, các cán bộ nhân viên và các quý vị cổ đông vì sự tin tưởng, gắn bó và ủng hộ dành cho Ngân hàng trong các hoạt động kinh doanh, xây dựng hệ thống trong suốt giai đoạn vừa qua. Tôi tin rằng với sự hỗ trợ to lớn đó, Ngân hàng Quốc Dân sẽ thành công và chinh phục các đỉnh cao mới trong tương lai.

Trân trọng



Vũ Hồng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

A. TỔNG QUAN

Ngân hàng TMCP Nam Việt – NAVIBANK được thành lập từ năm 1995 theo Giấy phép số 00057/NH-CP ngày 18/09/1995 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trải qua 18 năm hoạt động, NAVIBANK đã từng bước khẳng định được vị thế thương hiệu trên thị trường tài chính – tiền tệ Việt Nam.

Từ đầu năm 2013, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường và duy trì vị trí của mình trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, Ngân hàng Nam Việt đã bắt đầu tiến hành tái cấu trúc hệ thống với định hướng phấn đấu trở thành một trong các ngân hàng thương mại bán lẻ hiệu quả nhất. Để hoàn thành mục tiêu đó, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã nỗ lực tập trung vào những yếu tố cốt lõi như thay đổi cơ cấu tổ chức hướng đến việc tách bạch giữa các khối kinh doanh với các khối quản trị và hỗ trợ, cải tiến các quy định, qui trình, thay đổi cấu trúc kinh doanh, củng cố và nâng cao năng lực cán bộ nhân viên, tăng cường quản trị rủi ro...

Ngành nghề kinh doanh: Huy động vốn, tiếp nhận vốn, ủy thác, vay vốn, cho vay, chiết khấu các thương phiếu, hùn vốn liên doanh, dịch vụ thanh toán.

Tình hình hoạt động: Sau hơn 18 năm hoạt động, sự phát triển Ngân hàng với nhịp độ tăng trưởng ổn định, an toàn đã giúp NAVIBANK có được niềm tin của nhà đầu tư, khách hàng và đối tác. Sơ lược một số thông tin cơ bản về tình hình hoạt động của NAVIBANK qua các năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2011	2012	2013
Tổng tài sản	Triệu đồng	20.016.386	22.496.047	21.585.214	29.074.946
Huy động vốn	Triệu đồng	11.410.494	15.081.981	17.078.559	20.504.119
Dư nợ cho vay	Triệu đồng	10.766.555	12.914.682	12.885.655	13.475.390
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	209.348	222.012	3.390	23.921
Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.820.235	3.010.216	3.010.216	3.010.216
Mạng lưới hoạt động	Điểm giao dịch	90	90	91	91

B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tâm nhìn

“NAVIBANK là Ngân hàng được ưa thích và lựa chọn tại Việt Nam của những thanh niên lập nghiệp, các gia đình trẻ, doanh nghiệp trẻ gắn liền với các sản phẩm tín dụng thiết yếu và giải pháp tài chính trọn gói”

Sứ mệnh

Trở thành ngân hàng bán lẻ hiệu quả nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng (nhà và xe) và Ngân hàng phục vụ kinh doanh với giải pháp tài chính ngắn hạn và trung hạn linh hoạt, đồng hành cùng với sự phát triển của khách hàng qua dịch vụ tư vấn hoàn hảo.

CAM KẾT VÀ TRÁCH NHIỆM

Với khách hàng

NAVIBANK cam kết phát triển bền vững nhằm đem lại sự an toàn tuyệt đối cho người gửi tiền và các đối tác có liên quan.

NAVIBANK cam kết mang lại cho các khách hàng của mình những sản phẩm dịch vụ hoàn hảo, tiện ích và đa dạng, là đối tác tin cậy và người bạn đồng hành của khách hàng – phù hợp với tôn chỉ “Ngân hàng của bạn”

Với nhà đầu tư

NAVIBANK cam kết không ngừng nỗ lực tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông trên cơ sở hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững, trở thành ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả.

Với cán bộ nhân viên

NAVIBANK cam kết mang lại cho bạn một môi trường làm việc hiện đại, thân thiện, học hỏi, cơ hội thăng tiến và các chính sách đãi ngộ hợp lý, là ngôi nhà chung thân thiết, gắn bó.

Với cộng đồng

NAVIBANK cam kết tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

NAVIBANK cam kết thực hiện các trách nhiệm xã hội, tham gia các hoạt động mang tính xã hội, các chương trình từ thiện nhằm xây dựng một cộng đồng văn minh, tiến bộ.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Thân thiện - Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hiệu quả - Liêm chính

VĂN HÓA

Chất lượng - Dịch vụ - Kiểm soát - Đổi mới

&

Đội ngũ đồng lòng – Mục tiêu đồng hướng - Kế hoạch đồng nhất

ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2014-2015 : CHUẨN HÓA HOẠT ĐỘNG

Khách hàng mục tiêu: khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp có quy mô hoạt động vừa, nhỏ và siêu nhỏ và một số doanh nghiệp lớn có chọn lọc.

Dịch vụ và sản phẩm chính: các sản phẩm liên quan đến huy động vốn, cho vay trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng (nhà và xe) và các dịch vụ ngân hàng khác phục vụ mục đích kinh doanh với giải pháp tài chính ngắn hạn và trung hạn linh hoạt, đồng hành cùng với sự phát triển của khách hàng qua dịch vụ tư vấn hoàn hảo.

Thị trường mục tiêu: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, các khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các khu trung tâm đô thị, thương mại tại các tỉnh.

Chiến lược kinh doanh 2014 : Với định hướng bán lẻ, lấy khách hàng làm trung tâm, NAVIBANK chuyển trọng tâm hoạt động vào việc chuẩn hóa và đổi mới qui trình dịch vụ, sản phẩm để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng khi thực hiện các giao dịch tài chính tại NAVIBANK đó là “thân thiện – chuyên nghiệp - an toàn – hiệu quả”. Chiến lược quản trị hoạt động sẽ tập trung vào ba hướng chính:

- Tập trung tăng tốc kinh doanh thông qua các kênh bán lẻ, Mobile Banking, khách hàng ưu tiên và hoạt động kinh doanh vốn. Xây dựng và tư vấn các sản phẩm bán lẻ, vay tiêu dùng và hỗ trợ các giải pháp tài chính ngắn hạn và trung hạn cho các khách hàng cá nhân, khách hàng SME, cùng với đó là hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và lớn có chọn lọc với tiêu chí nhanh chóng, hiệu quả.
- Xử lý nợ quá hạn: Tái cấu trúc hoặc bán nợ cho VAMC và thực hiện các hoạt động pháp lý để thu hồi nợ.
- Ổn định cơ cấu : Hoàn thiện các quy trình quy chế, xây dựng lại hệ thống Corebanking và e-Bank, kiện toàn bộ máy nhân sự, bổ sung nhân sự mới, xây dựng hoạt động đào tạo nhân sự để tăng cường chất lượng phục vụ khách hàng.

CÁC SỰ KIỆN NỘI BỘT NĂM 2013

Khai trương Hội sở mới tại Sương Nguyệt Ánh: Tháng 1/2013, Hội sở mới của Ngân hàng TMCP Nam Việt đã chính thức đi vào hoạt động sau 02 năm xây dựng. Với việc khai trương trụ sở mới, NAVIBANK mong muốn khẳng định với khách hàng về sự ổn định và cam kết phục vụ lâu dài trong lĩnh vực tài chính tiền tệ.

NAVIBANK là thành viên tích cực của Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh: NAVIBANK đã vinh dự được nhận bằng khen từ Thống đốc NHNN và Chủ tịch UBND TP.HCM vì những nỗ lực đóng góp cho sự thành công của Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp của UBND TP.HCM. Việc nhận bằng khen từ NHNN và UBND TP.HCM đã khẳng định vai trò của NAVIBANK trong công tác phát triển kinh tế, ổn định sản xuất kinh doanh, cấp vốn cho các doanh nghiệp. Tiếp nối thành công của Chương trình năm 2013, trong năm 2014, NAVIBANK sẽ tiếp tục tham gia tích cực hơn nữa những chương trình hỗ trợ kết nối theo chủ trương của NHNN và UBND TP.HCM cũng như tại các địa phương khác.

Triển khai các chương trình “Team Building” tại tất cả các khu vực vào tháng 8/2013, NAVIBANK hướng đến việc xây dựng một tổ chức đồng lòng, chung một mục tiêu và cùng một kế hoạch để đưa NAVIBANK trở thành một ngôi nhà chung cho CBNV và thành Ngân hàng của mọi nhà, mọi doanh nghiệp.

Đồng hành cùng sự kiện Asia Connection do Tạp chí Nhip cầu doanh nghiệp phối hợp với Trung tâm dịch vụ đối ngoại Hà Nội đồng tổ chức. Ngân hàng Nam Việt đồng hành cùng sự kiện với mong muốn sẽ là cầu nối tài chính cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia sự kiện Asia Connection 2013 lần này. Chủ đề chính của chương trình là: xuất nhập khẩu thương hiệu; Diễn đàn hướng đến cộng đồng kinh tế ASEAN – AEC 2015; chia sẻ kinh nghiệm xuất nhập khẩu lương thực thực phẩm sang thị trường châu Á và tìm giải pháp giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn trong nước và quốc tế.

Tài trợ thành lập các chi hội của Hội doanh nhân trẻ thành phố Hồ Chí Minh (YBA): NAVIBANK là nhà tài trợ Vàng cho lễ ra mắt Ban chủ nhiệm Chi hội Sài Gòn và Chi hội Gia Định – Hội Doanh nhân trẻ TP.HCM (YBA). NAVIBANK thường xuyên tham gia các sự kiện chung của YBA cũng như hỗ trợ các thành viên khác thông qua các gói giải pháp tài chính trọn gói và hiệu quả. Qua chương trình này, NAVIBANK cũng cam kết sẽ hỗ trợ đặc lực cho các hội viên có đủ nguồn lực tài chính dồi dào để mở rộng sản xuất kinh doanh bằng việc dành một phần trong Gói tín dụng ưu đãi 4.000 tỷ Đồng để tài trợ cho các thành viên trong Chi hội.

Cứu trợ đồng bào Miền Trung: cuộc vận động Ủng hộ đồng bào Miền Trung lũ lụt có được sự tham gia nhiệt tình của hơn 1.600 CBNV Ngân hàng Nam Việt bằng hình thức ủng hộ 1 ngày lương vào quỹ từ thiện, chia sẻ một phần những khó khăn để cùng miền Trung khắc phục hậu quả bão lụt với tổng số tiền góp được là 276.682.000 đồng.

Chung tay giúp đỡ các gia đình chính sách tại An Giang: Hướng về Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27-7 hàng năm, thực hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, chung tay cùng xã hội chăm lo cho những gia đình chính sách và bà con nghèo, Ngân hàng Nam Việt (NAVIBANK) và Báo Công an thành phố đã tổ chức các hoạt động xã hội - từ thiện, xây một căn nhà tình nghĩa và một nhà đồng đội tại huyện Tân Châu - An Giang, nơi chịu nhiều thiệt hại trong chiến tranh biên giới Tây Nam năm 1978.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát:

1.1 Hội Đồng Quản Trị:

a. Cơ cấu Hội Đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị gồm có 5 thành viên, là cơ quan do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ hoạt động 5 năm. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kinh doanh; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban Điều hành. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Thông tin
1	Ông Vũ Hồng Nam	Chức danh: Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro Chủ tịch Ủy ban Nhân sự Chủ tịch Hội đồng Xử lý Rủi ro Chủ tịch Hội đồng Tín dụng Chủ tịch Hội đồng Lương Thưởng – Kỷ luật Sinh năm: 1967 Học vị: Cử nhân Khoa học
2	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chức danh: Phó Chủ tịch HĐQT Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro Thành viên Ủy ban Nhân sự Sinh năm: 1968 Học vị: Kỹ sư Hàng Hải Cử nhân Kinh tế
3	Bà Nguyễn Thị Mai	Chức danh: Thành viên thường trực HĐQT Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro Thành viên Ủy ban Nhân sự Thành viên Hội đồng Xử lý Rủi ro Phó chủ tịch Hội đồng ALCO Thành viên Hội đồng Lương Thưởng – Kỷ luật Thành viên Hội đồng Đầu tư Sinh năm: 1978 Học vị: Cử nhân kinh tế

4	Ông Mukesh Lalitshanker Sharda	Chức danh: Thành viên HĐQT độc lập Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro Sinh năm: 1971 Học vị: Thạc sỹ Quản trị Tài chính
5	Bà Nguyễn Thị Thu Huong	Chức danh: Thành viên HĐQT Sinh năm: 1971 Học vị: Tiến sỹ kinh tế

b. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng Quản trị giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị tuân thủ các quy định của pháp luật, của Điều lệ Ngân hàng. HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu. Chỉ đạo Ban điều hành hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch hoạt động kinh doanh cho năm 2014.

c. Hoạt động của các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

(i) Ủy ban Quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định, ban hành các quy trình, chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn quản lý rủi ro toàn diện trong hoạt động của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- Theo dõi mọi loại rủi ro, đặc biệt là các trạng thái rủi ro trọng yếu và các xu hướng biến động lớn bên ngoài có thể gây ảnh hưởng đến mức độ an toàn của Ngân hàng.
- Đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn hiện hành và chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các giao dịch của người có liên quan, các chính sách quản lý đầu tư và quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư.
- Hỗ trợ, tham mưu và tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc xem xét và thông qua chính sách, chiến lược quản lý rủi ro, khung nội quy về rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro và giới hạn cho phép về rủi ro.
- Rà soát các vấn đề khác có liên quan đến quản lý rủi ro mà Ủy ban QLRR nhận thấy cần thiết phải lưu ý xem xét, báo cáo hoặc đề xuất lên Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các công việc khác do Hội đồng quản trị ủy quyền và phân công.

(ii) Ủy ban Nhân sự:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, chính sách, cơ chế tuyển dụng, đào tạo nhân sự, thù lao, lương thưởng, ký/chấm dứt Hợp đồng lao động và các chính sách đãi ngộ đối với người điều hành, cán bộ quản lý ngân hàng...theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- Thực hiện các công việc khác do Hội đồng quản trị ủy quyền và phân công.

d. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
1	Ông Vũ Hồng Nam	Chủ tịch HĐQT	10,300	0.0034%
2	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Phó Chủ tịch HĐQT	2,574,180	0.8551%
3	Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên thường trực HĐQT	0	0%
4	Ông Mukesh Lalitshanker Sharda	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	21,907	0.0073%

1.2 Ban Kiểm soát:

- a. Cơ cấu Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát có 04 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, cụ thể:

STT	Họ và tên	Thông tin
1	Dương Thị Lệ Hà	Chức danh: Trưởng Ban kiểm soát Sinh năm: 1974 Học vị: Cử nhân kinh tế
2	Ngô Thị Phương Thủy	Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát Sinh năm: 1974 Học vị: Cử nhân kinh tế
3	Lê Thị Mỹ Hạnh	Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát Sinh năm: 1979 Học vị: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
4	Lê Trọng Hiếu	Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát Sinh năm: 1974 Học vị: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2013, giám sát và đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của NCB trong việc quản trị, điều hành hệ thống NCB.
- Trong năm 2013, Ban kiểm soát tiến hành họp 7 lần giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của ban, định hướng hoạt động Ban Kiểm soát 6 tháng cuối năm, giám sát việc thực hiện các chỉnh sửa theo kết luận thanh tra, triển khai công việc của Ban Kiểm toán nội bộ.
- Ban hành, xem xét lại quy định nội bộ của BKS hàng năm: BKS đã phân công công việc cụ thể cho từng thành viên theo từng mảng nghiệp vụ, địa giới hành chính để thuận tiện trong việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát các mặt hoạt động của NCB. Ngoài ra, BKS đã thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2013.
- Ban kiểm soát (BKS) kiện toàn bộ máy KTNB, chỉ đạo và sử dụng bộ máy KTNB thực hiện công tác giám sát hoạt động hệ thống thông qua việc kiểm toán tại chỗ, giám sát từ xa... theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng và báo cáo cho NHNN; ngoài ra còn thực hiện kiểm toán đột xuất theo định hướng rủi ro khi phát hiện những bất thường hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT, BKS. Đối tượng được kiểm toán là chi nhánh, Sở giao dịch, phòng giao dịch, các khối phòng, ban; Trung tâm tại Hội sở. Nội dung kiểm toán tập trung vào kiểm toán quy trình, kiểm toán tính tuân thủ và chú trọng đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ khi triển khai thực hiện các quy trình nghiệp vụ tại Ngân hàng. Công tác kiểm toán nội bộ đảm bảo thực hiện đánh giá độc lập về tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB.
- Qua kết quả hoạt động KTNB, đã kịp thời phát hiện các tồn tại, sai phạm trong các hoạt động tại các đơn vị được kiểm toán để đề xuất kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục các sai phạm nhằm hạn chế rủi ro góp phần vào an toàn, hiệu quả hoạt động của đơn vị; đồng thời báo cáo cho HĐQT, BKS, Ban Điều hành và gửi cho các đơn vị có liên quan để phục vụ cho công tác quản trị, kiểm soát, điều hành hệ thống NCB.
- Kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm soát tiến hành thẩm định kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng nhằm phòng ngừa rủi ro và đảm bảo an toàn tài sản của ngân hàng.

1.3 Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Ngân hàng:

Trong năm 2013, Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc toàn diện, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, đồng thời tuân thủ các quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

Ngân hàng tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng phù hợp quy định pháp luật, tiếp tục triển khai theo nội dung nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị... và các quy định, quy chế hoạt động của Ngân hàng.

1.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Ngân hàng trả thù lao và các khoản phụ cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng nội dung nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua

2. Báo cáo thành viên góp vốn và quản trị:

Đối tượng	Trong nước	Nước ngoài
Tổ chức	33,7445%	0,0092%
Cá nhân	66,2394%	0,0052%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Bà Trần Hải Anh - Tổng Giám đốc, sinh năm 1967.

- Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp của trường Đại học Nantes.
- Từ 21/02/2014: Tổng Giám đốc Navibank.
- Từ 05/2013 đến nay: Thành viên Ban Tái cấu trúc, Chánh Văn phòng HĐQT, Trưởng Văn phòng Miền Bắc.

2. Ông Đặng Quang Minh - Phó Tổng Giám đốc thường trực, sinh năm 1972.

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- 2/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực Navibank
- 05/2013 - 02/2014: Phó Tổng Giám đốc điều hành tại Navibank;

3. Bà Nguyễn Thị Mai - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1978.

- Cử nhân ngành Kế toán, Đại học Thương mại.
- 02/2013 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính – Navibank, kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng VIP Navibank.

4. Ông Võ Văn Cường - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1968.

- Thạc Sĩ Quản trị Doanh nghiệp về Tài chính của Đại học Tổng hợp New York;
- 05/2013: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành, kiêm Trưởng Văn phòng Miền Nam của Navibank.

5. Ông Nguyễn Chí Trung - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1962.

- Thạc sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Universite Paris DAUPHINE.
- 02/2013 – Nay: Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Navibank.

6. Ông Nguyễn Giang Nam - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1971.

- Thạc sỹ Kinh tế của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh liên kết với Viện Khoa học Xã hội The Hague - Hà lan.
- 2005 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn của Navibank.

7. Ông Nguyễn Cao Hữu Trí - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1983.

- Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế TPHCM năm 2005.
- Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng năm 2010, Đại học Kinh tế TPHCM.
- 5/2011- nay: thành viên Ban kiểm soát; Phó Tổng Giám đốc.

8. Ông Vũ Mạnh Tiến - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1963.

- Thạc sỹ ngành Luật và Kinh tế tại trường Đại học Tours (Pháp) và Đại học Ngoại Thương.
- 11/2013: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Miền bắc, Giám đốc Khối Nguồn vốn kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.

9. Ông Bùi Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc, sinh năm 1974.

- Thạc sỹ tại Central Queensland University, Melbourne Campus- Australia.
- 12/2013: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Công nghệ tại Navibank.

10. Ông Huỳnh Vĩnh Phát - Kế toán trưởng, sinh năm 1974.

- Cử nhân Ngân hàng của trường Đại Học Kinh Tế năm 1997.
- 2006 đến nay: Kế Toán Trưởng Navibank.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	TH2011	TH2012	TH2013	TH2013 SV TH2012
A	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng tài sản	22.496.047	21.585.214	29.074.356	34,70%
2	Vốn điều lệ	3.010.216	3.010.216	3.010.216	0,00%
3	Nguồn vốn huy động	15.081.981	17.078.559	20.504.119	20,06%
-	Theo thành phần kinh tế				
+	Tổ chức kinh tế	2.494.650	1.834.526	2.586.959	41,02%
+	Dân cư	12.587.331	15.244.033	17.917.160	17,54%
-	Theo loại tiền tệ				
+	VND	12.832.381	15.599.082	18.596.365	19,21%
+	Ngoại tệ	2.249.600	1.479.477	1.907.755	28,95%
-	Theo kỳ hạn				
+	Không kỳ hạn	531.942	539.519	546.495	1,29%
+	Ngắn hạn	13.805.439	9.177.970	15.844.838	72,64%
+	Trung dài hạn	744.600	7.361.070	4.112.786	-44,13%
4	Tiền gửi và vay Tổ chức tín dụng	3.475.828	95.632	5.008.554	5137,32%
5	Vay NHNN	51.238	732.186	0	-100,00%
6	Góp vốn, mua cổ phần	703.515	703.515	977.215	0,00%
7	Cho vay	12.914.682	12.885.655	13.475.390	4,58%
-	Theo thành phần kinh tế				
+	Tổ chức kinh tế	9.496.869	9.769.678	9.781.506	0,12%
+	Dân cư	3.417.812	3.115.977	3.693.884	18,55%
-	Theo loại tiền tệ				
+	VND	11.005.053	11.233.863	12.121.657	7,90%
+	Ngoại tệ	1.909.629	1.651.793	1.353.733	-18,04%
-	Theo kỳ hạn				
+	Ngắn hạn	7.677.846	7.638.283	7.479.165	-2,08%
+	Trung dài hạn	5.236.836	5.247.372	5.996.225	14,27%
8	Nợ xấu	376.635	726.707	817.591	12,51%
-	Tỷ lệ nợ xấu	2,92%	5,64%	6,07%	
9	Tài sản cố định	139.943	163.463	1.044.268	538,84%
10	Tài sản có khác	2.649.531	3.684.989	3.786.951	2,77%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
1	Thu từ lãi	2.691.190	2.609.380	2.144.236	-17,83%
	Thu ngoài lãi	290.096	286.693	169.243	-40,97%
2	Chi từ lãi	1.951.078	1.876.969	1.548.196	-17,52%
	Chi ngoài lãi	738.712	927.369	716.877	-22,70%
	Chi dự phòng rủi ro	69.484	88.345	24.485	-72,28%
3	Lợi nhuận trước thuế	222.012	3.390	23.921	605,63%

C	CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
1	Lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	1,00%	0,02%	0,08%	
2	Lợi nhuận trước thuế/ vốn chủ sở hữu	7,26%	0,10%	0,75%	

B. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2013 tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực tài chính tiền tệ nói riêng. Theo đó, hoạt động tài chính tiền tệ tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước điều hành theo hướng thắt chặt và linh hoạt hơn nhằm hỗ trợ cho mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Trước tình hình đó, để tạo nền tảng tăng trưởng bền vững, giữ vững sự ổn định trong hoạt động, NAVIBANK đặt mục tiêu trong năm 2013 là tái cơ cấu toàn diện hoạt động dựa trên 04 yếu tố cốt lõi của một doanh nghiệp: Tài chính vững mạnh và ổn định; Công nghệ hiện đại và nhân bản; Nhân lực chuyên nghiệp và đồng lòng; Mạng lưới khách hàng lớn và lan tỏa. Bốn yếu tố này được ví như bốn viên gạch nền tảng, liên kết chặt chẽ với nhau để tạo tiền đề cho NAVIBANK vững vàng phát triển, hướng đến những mục tiêu trong tương lai.

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.

1.1. Về khả năng sinh lời.

- Hàng năm, NAVIBANK đều đạt được một con số lợi nhuận ổn định nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và toàn bộ thành viên Ngân hàng TMCP Nam Việt. Tính đến 31/12/2013, NAVIBANK đạt 23.921 triệu Đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 20.531 triệu đồng so với năm 2012.
- Tổng tài sản trong năm 2013 của NAVIBANK đạt 29.074 tỷ Đồng (tăng 7.489.142 triệu Đồng so với năm 2013), tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân đạt 0,08%.

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
1	Lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	1,06%	1,27%	1,00%	0,02%	0,08%
2	Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	19,88%	18,99%	7,26%	0,10%	0,75%

1.2. Về khả năng thanh toán.

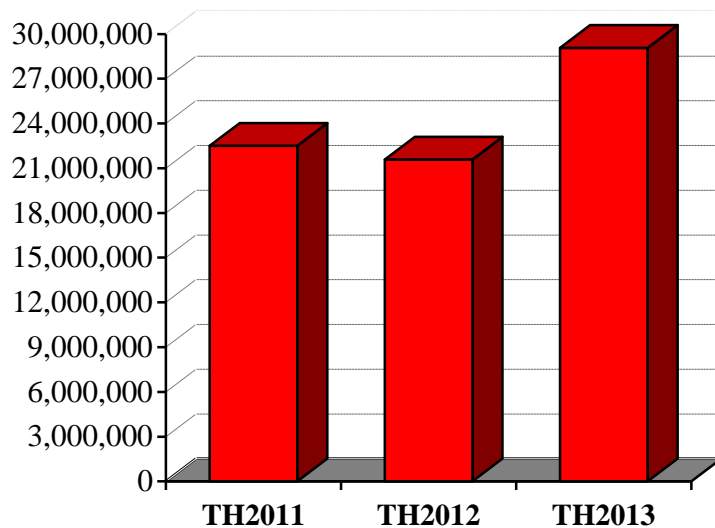
- Trong năm 2013, NAVIBANK luôn duy trì thanh khoản ở mức hợp lý và đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ an toàn, giới hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Khả năng thanh khoản của NAVIBANK tính đến 31/12/2013 được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu	2013	Quy định hiện hành
1	Tỷ lệ khả năng chi trả	15,24%	≥ 15,00%
2	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	16,03%	≥ 9,00%
3	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	25,46%	≤ 30,00%
4	Tỷ lệ góp vốn mua cổ phần	33,11%	≤ 40,00%

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG.

2.1. Tổng tài sản

- Tổng tài sản của NAVIBANK tính đến hết 31/12/2013 đạt 29.074.356 triệu Đồng, tăng 7.489.142 triệu Đồng (tăng 34,70%) so với năm 2012.

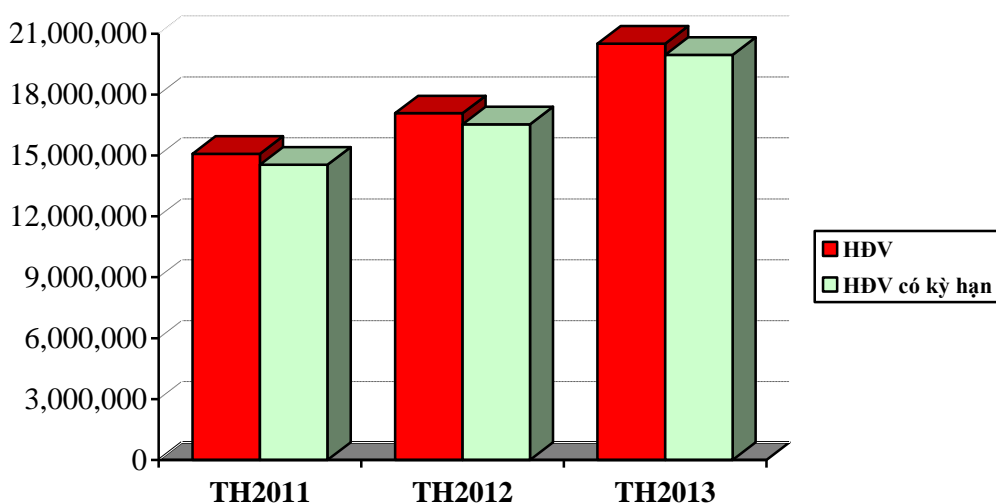


Tăng trưởng Tổng tài sản

2.2. Hoạt động huy động vốn.

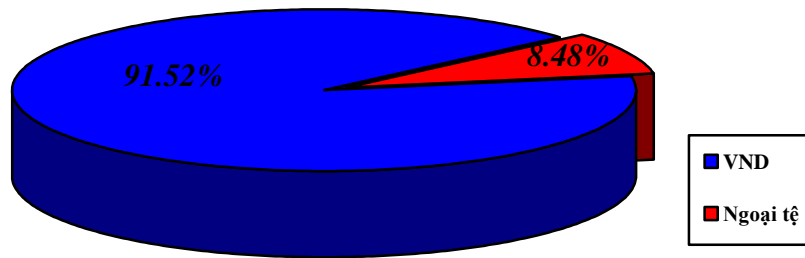
Năm 2013, nhờ triển khai các chương trình thúc đẩy bán hàng và việc đẩy mạnh kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng, công tác huy động vốn của Ngân hàng tiếp tục duy trì sự tăng trưởng ổn định. Đến 31/12/2013, nguồn vốn huy động đạt 25.512.673 triệu đồng, tăng 8.338.482 triệu đồng (48,55%) so với năm 2012. Trong đó:

- Nguồn vốn huy động từ cá nhân và tổ chức kinh tế đạt 20.504.119 triệu Đồng, tăng 3.425.560 triệu Đồng (20,06%) so với năm 2012. Huy động vốn tăng chủ yếu từ khách hàng cá nhân (tăng 2.673.127 triệu Đồng, tương đương 17,54% so với năm 2012).
- Nguồn vốn huy động từ thị trường liên ngân hàng đạt 5.008.554 triệu Đồng, tăng 4.912.922 triệu Đồng so với năm 2012.

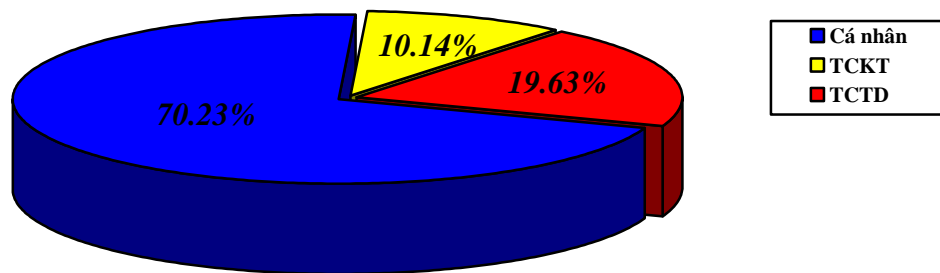


Tăng trưởng Huy động vốn từ cá nhân và tổ chức kinh tế

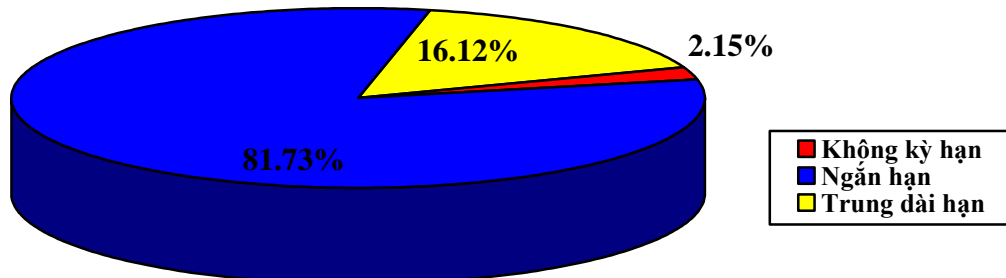
- *Cơ cấu nguồn vốn huy động*: Nguồn vốn huy động tập trung chủ yếu là VND (91,52%) và khách hàng cá nhân (chiếm 70,23%).



Cơ cấu Huy động vốn theo loại tiền



Cơ cấu Huy động vốn theo đối tượng khách hàng

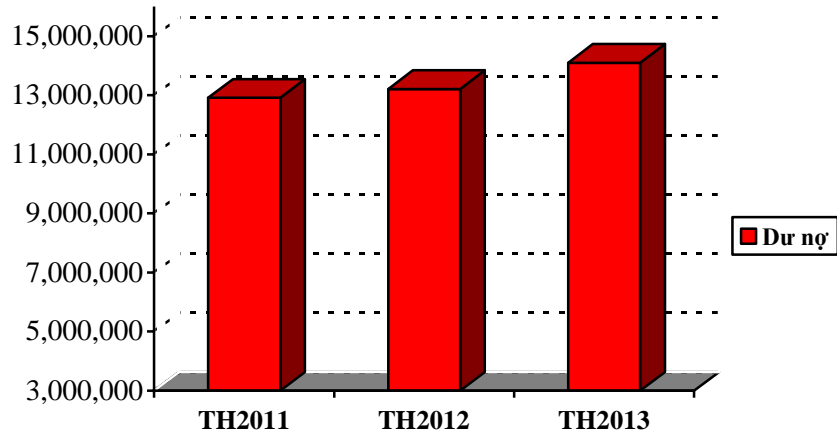


Cơ cấu Huy động vốn theo thời hạn

2.3. Hoạt động tín dụng.

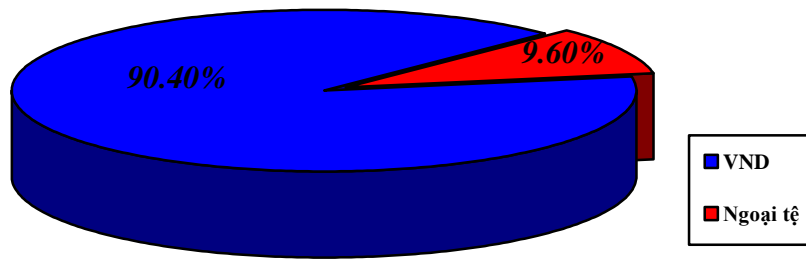
Mặc dù năm 2013 ngành ngân hàng tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong hoạt động tăng trưởng tín dụng, tuy nhiên NAVIBANK đã nỗ lực để đảm bảo hoạt động tín dụng tiếp tục được tăng trưởng. Bên cạnh đó, NAVIBANK tiếp tục công tác rà soát, tái đánh giá lại tất cả các khoản nợ hiện tại nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng nợ.

- *Tăng trưởng dư nợ tín dụng*: Tính đến ngày 31/12/2013, dư nợ tín dụng của toàn Ngân hàng đạt 13.475.390 triệu Đồng, tăng 589.735 triệu Đồng (tăng 4,57%) so với năm 2012.

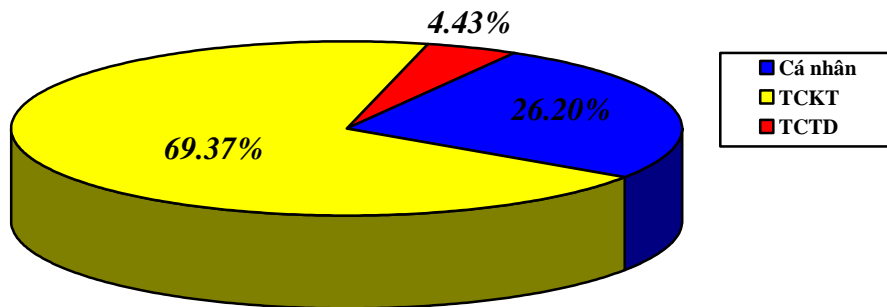


Tăng trưởng Dư nợ tín dụng

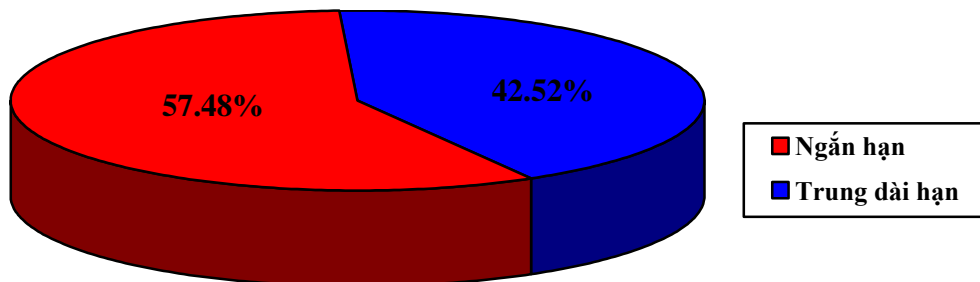
- Cơ cấu dư nợ tín dụng: Dư nợ tín dụng tập trung chủ yếu đối tượng khách hàng tổ chức kinh tế (chiếm 69,73%) và loại tiền VND (chiếm 90,40%).



Cơ cấu Dư nợ tín dụng theo loại tiền



Cơ cấu Dư nợ tín dụng theo đối tượng khách hàng



Cơ cấu Dư nợ tín dụng theo thời hạn

- Chất lượng tín dụng: Tính đến thời điểm 31/12/2013, số dư nợ xấu của toàn Ngân hàng là 817.591 triệu Đồng và chiếm khoảng 6,07% tổng dư nợ.

2.4. Kết quả kinh doanh.

Kết thúc năm 2013, mặc dù môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn và thử thách từ thị trường cũng như năng lực nội bộ còn hạn chế, tuy nhiên dưới sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự nỗ lực không mệt mỏi của toàn thể cán bộ công nhân viên, NAVIBANK đã vượt qua những khó khăn, bắt lợi từ môi trường vĩ mô đem lại và khẳng định tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của mình bằng việc đạt mức lợi nhuận trước thuế 23.921 triệu Đồng, tăng 20.531 triệu đồng so với năm 2012 và bằng 95,68% kế hoạch đã điều chỉnh.

2.5. Hoạt động khác.

a. Đầu tư.

- Các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng tính đến ngày 31/12/2013 là 977.215 triệu Đồng, tăng 276.700 triệu Đồng so với năm 2012.

b. Kinh doanh tiền tệ.

- Hoạt động kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng ngày càng tích cực hơn so với năm 2012. Ngân hàng thực hiện kinh doanh trên các mặt như trái phiếu chính phủ, kinh doanh ngoại tệ và các hoạt động liên ngân hàng. Tính đến 31/12/2013, các lĩnh vực kinh doanh này góp phần vào lợi nhuận toàn hàng đạt được 9.455 triệu Đồng.

c. Kinh doanh thẻ.

- Ngân hàng tiếp tục khôi phục và đẩy mạnh kinh doanh thẻ dựa trên các hoạt động chuẩn hóa các quy trình, quy định và nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh thẻ phù hợp với mô hình kinh doanh mới.
- Hoàn thiện công tác nâng cấp phần mềm hệ thống thẻ, kết nối được với công thanh toán SmartLink, Onepay tạo thuận lợi cho khách hàng mở rộng thanh toán giao dịch trực tuyến qua internet.
- Thử nghiệm thành công tích hợp các ứng dụng chấp nhận thanh toán thẻ quốc tế và thẻ nội địa lên cùng 01 máy POS, qua đó tiết kiệm được chi phí đầu tư máy và đem lại các dịch vụ thuận tiện hơn cho các đại lý chấp nhận thẻ của NAVIBANK.

3. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC.

3.1. Tái cấu trúc mô hình hoạt động kinh doanh

- Trong năm 2013 NAVIBANK hoàn tất các công tác xây dựng và tổ chức hoạt động kinh doanh theo mô hình mới đã được HĐQT phê duyệt, theo đó các tổ chức hoạt động của NAVIBANK bao gồm: mạng lưới kênh phân phối (CN/PGD/ATM/POS), các Trung tâm/Khối phục vụ kinh doanh gồm có: Khối QHKKH, Khối Nguồn vốn, các Khối/TT phục vụ hoạt động, hỗ trợ, quản trị điều hành: Khối Nguồn lực, Khối vận hành, Khối công nghệ, Khối QTTD, Khối QTRR (trong đó các khối thành lập mới: Quan hệ khách hàng; Quản trị rủi ro; Vận hành; Quản trị tín dụng)
- Các hoạt động quản trị rủi ro, quản trị tín dụng, quản trị nguồn nhân lực và tài sản ngân hàng được tập trung xuyên suốt từ HĐQT, từ hội sở tới các chi nhánh nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả nhất các nguồn lực của ngân hàng cũng như đảm bảo được an toàn hoạt động và quản lý rủi ro được hiệu quả.

3.2. Xây dựng sản phẩm, lãi suất, phí.

- Nhằm đảm bảo thúc đẩy hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược kinh doanh đồng thời phục vụ tốt hơn các khách hàng hiện hữu và tiềm năng, Ngân hàng chú trọng xây dựng và làm mới lại các sản phẩm theo các phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp SMEs, khách hàng lớn có chọn lọc. Các sản phẩm đã và đang hoàn thiện dần theo hướng phù hợp theo từng khu vực, từng phân khúc khách hàng mục tiêu, tạo nền tảng xây dựng các bó sản phẩm và đa dạng bán chéo trong các năm tiếp theo.
- Ngoài việc xây dựng hệ thống các sản phẩm thiết yếu, NAVIBANK cũng đã tiến hành từng bước xây dựng các tài liệu bán hàng, cẩm nang sản phẩm, hướng dẫn salekits sử dụng thống nhất trên toàn hệ thống.
- Trong năm 2013, dưới sự điều hành của Ngân hàng nhà nước, lãi suất huy động và lãi suất cho vay có nhiều lần biến động theo xu hướng giảm mạnh so với năm 2012, các ngân hàng cạnh tranh gay gắt trong việc duy trì hệ thống khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, NAVIBANK đã xây dựng và điều hành chính sách giá tương đối linh hoạt và phù hợp, lãi suất huy động, cho vay được điều hành thông qua Hội đồng ALCO, việc phân quyền phán quyết về lãi suất và phí cũng được xây dựng theo nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó một mặt đảm bảo hiệu quả kinh doanh của ngân hàng có lãi, xây dựng được các gói tín dụng ưu đãi phục vụ tốt được khách hàng truyền thống đồng thời cạnh tranh tốt trong thị trường tài chính Việt Nam.

3.3. Marketing, nhận diện và tổ chức bán hàng.

- Với điểm xuất phát của năm 2013, NAVIBANK là một trong các ngân hàng đang trong giai đoạn đầu của hoạt động tái cấu trúc, thương hiệu của NAVIBANK trong thời gian trước đó có nhiều giảm sút. Để đảm bảo thương hiệu và uy tín của mình NAVIBANK đã tích cực thực hiện các hoạt động Marketing và tổ chức bán hàng hiệu quả, nhằm từng bước cải thiện hình ảnh của NAVIBANK trong cộng đồng. Các hoạt động này được triển khai tích cực trên nhiều mặt như:
 - + Chuẩn hóa các tài liệu bán hàng, giới thiệu về NAVIBANK;
 - + Chuẩn hóa giao diện Website của Ngân hàng theo hướng thân thiện và chuyên nghiệp;
 - + Triển khai gói tín dụng ưu đãi "Nâng bước tiềm lực, thỏa sức kinh doanh " 2.000 tỷ, 4.000 tỷ đồng trong năm 2013;
 - + Triển khai các chương trình khuyến mại ưu đãi về huy động như mua kỳ phiếu trúng thưởng của NAVIBANK, gửi tiết kiệm quay số trúng thưởng với nhiều giải thưởng đa dạng, đã tạo nên sự hấp dẫn lớn đối với các khách hàng truyền thống cũng như khách hàng tiềm năng trong thời gian tới.
 - + Ban hành nhiều chương trình thi đua bán hàng, thúc đẩy nội bộ.
 - + Triển khai các chương trình tiếp thị bán hàng trực tiếp: Roadshow tại các chi nhánh, các chương trình kết nối khách hàng ... Với các hoạt động tích cực liên kết với các doanh nghiệp năm 2013 NAVIBANK cũng vinh dự được Ngân hàng nhà nước, UBND TP HCM tặng bằng khen và đánh giá là một trong các ngân hàng hoạt động tích cực trong việc liên kết giữa ngân hàng với cộng đồng các doanh nghiệp.

3.4. Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.

- Về hoạt động quản lý rủi ro: đã ban hành chính sách quản lý rủi ro tín dụng tập trung, đảm bảo tất cả các quy trình quy định, sản phẩm dịch vụ đều được rà soát và kiểm định rủi ro trên các mặt: pháp lý, thị trường, tín dụng, hoạt động....

- Tổ chức xây dựng và truyền thông thường xuyên các bản tin thị trường bao gồm: thị trường tài chính - tiền tệ, cà phê, cao su, lúa gạo, thủy sản, bất động sản, thép, xây dựng, thức ăn nhanh, ...nhằm cung cấp thông tin nhanh chóng tới các đơn vị kinh doanh có cơ sở định hướng kinh doanh, phát triển tín dụng và quản lý hoạt động được an toàn hiệu quả.
- Triển khai cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng nội bộ.
- Rủi ro thanh khoản được theo dõi chặt chẽ nhằm định hướng hài hòa giữa công tác phát triển trong ngắn hạn và hiệu quả lâu dài.
- Các hoạt động tổ tụng, thu hồi nợ...được tổ chức giám sát và thực hiện tập trung xuyên suốt trên toàn hàng.

3.5. Quản trị tín dụng và giám sát nợ.

- Nhằm đảm việc phát triển tín dụng hiệu quả cũng như công tác giám sát nợ được chặt chẽ trong môi trường kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro tín dụng, Ngân hàng quản trị hoạt động tín dụng và giám sát nợ được tập trung đồng thời phân quyền ủy quyền được hợp lý đảm bảo cân bằng giữa sự phát triển và quản trị rủi ro trên cơ sở thành lập Hội đồng tín dụng, Hội đồng xử lý nợ tại HO và các ban tín dụng, ban xử lý nợ tại các khu vực và các đơn vị kinh doanh.
- Lĩnh vực thẩm định và định giá tài sản bảo đảm, quản lý tài sản bảo đảm cũng được ngân hàng chú trọng và quản lý tập trung thông qua các Bộ phận Thẩm định Tài sản khu vực tại miền Bắc, Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ; Database Bất động sản tại các địa bàn kinh tế chủ chốt được hoàn thiện và xây dựng.
- Ban hành chính sách, khẩu vị, quy trình tín dụng năm 2013.
- Xây dựng và áp dụng thống nhất hệ thống mẫu biểu thẩm định/tái thẩm định, hướng dẫn thẩm định/tái thẩm định tín dụng và quản lý việc lưu trữ bàn giao hồ sơ tín dụng, kiểm tra đánh giá khoản vay, thủ tục cho vay DN SMEs và quản lý hồ sơ TSĐB.
- Triển khai giám sát tín dụng và quản lý nợ quá hạn, tăng cường bộ máy xử lý nợ.

3.6. Tái cấu trúc và thu hồi nợ quá hạn.

- Năm 2013, theo định hướng và chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước, của Hội đồng quản trị, NAVIBANK xác định công tác đánh giá, cấu trúc và thu hồi nợ quá hạn là một trong những hoạt động trọng tâm nhất nhằm đảm bảo đưa hiệu quả hoạt động của NAVIBANK đạt được các chỉ số an toàn nhất, chính vì vậy Ban điều hành đã tích cực cùng các Hội đồng xử lý nợ, Ban xử lý nợ, các đơn vị chi nhánh đánh giá thường xuyên các khách hàng nợ quá hạn, đưa ra các giải pháp cấu trúc và thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu. Kết quả xử lý nợ xấu đạt 816 tỷ, bán nợ cho VAMC 129 món trong 03 đợt với tổng số tiền là 768 tỷ; thu hồi lãi treo đạt trên 656 tỷ đồng.

3.7. Hoạt động nhân sự và đào tạo.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức mới trên cơ sở đề án TCT được duyệt, xây dựng ban hành cơ cấu chức năng nhiệm vụ khối phòng ban, chi nhánh xây dựng đề xuất mô hình chi nhánh chuẩn, từng bước xây dựng JD, KPI và thí điểm áp dụng KPI ở Sở giao dịch và chi nhánh Hà Nội.
- Tuyển dụng cán bộ thay thế đáp ứng nhu cầu đề án TCT ở tất cả các khâu: nhóm điều hành, quản lý, Chuyên viên QHKKH, tín dụng, nguồn vốn...
- Nhằm xây dựng một NAVIBANK ngày càng vững mạnh, hoạt động nhân sự và đào tạo được NAVIBANK thực hiện quyết liệt ngay từ những ngày đầu năm 2013, dưới nhiều hình thức thực hiện: xây dựng quy trình quy chế về tuyển dụng, đãi ngộ, và đào tạo, đánh giá định kỳ; cụ thể các hoạt động tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao được

thực hiện liên tục, các hoạt động đào tạo được tổ chức thường xuyên như: đào tạo kỹ năng bán hàng, kỹ năng tư vấn, đào tạo nhà quản lý hiệu quả, Mini MBA, đào tạo sản phẩm, quy trình và đào tạo chuyên môn, team building,....

3.8. Hoạt động hỗ trợ vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Với mục tiêu xây dựng NAVIBANK trở thành một trong những ngân hàng có chất lượng dịch vụ cao trên thị trường, hoạt động hỗ trợ vận hành và giám sát chất lượng dịch vụ của ngân hàng năm 2013 cũng được triển khai tích cực: mở lại một số tài khoản Nostro, xây dựng quan hệ với trên 120 ngân hàng đại lý trên toàn cầu, chuẩn hóa các quy chế về tiết kiệm, thu chi tiền mặt, nghiệp vụ thanh toán, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tại quầy....

3.9. Hoạt động quản trị chi phí tài chính hiệu quả.

- Kiểm soát và tiết giảm chi phí bao gồm: Kiểm soát chi phí hoạt động theo định hướng tập trung và điều chỉnh định mức chi phí.
- Định hướng quản lý tập trung (đối với kế toán) về nghiệp vụ chi tiết, chính sách, chế độ, báo cáo...
- Hoạt động tái cấu trúc danh mục: thu hồi một số khoản nợ tạm ứng, đề xuất thoái vốn tại một số khoản đầu tư không hiệu quả tùy theo diễn biến thị trường.
- Hoạt động góp vốn vào công ty thành viên và công ty liên kết, theo đó chú trọng đến tái cấu trúc Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nam Việt và Công ty Quản lý và Khai thác tài sản Ngân hàng Nam Việt.
- Bước đầu triển khai các hoạt động cấu trúc đầu tư và hoạt động dịch vụ ngân hàng tài chính; Tham gia tư vấn, thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp có quan hệ tín dụng trong trường hợp ngân hàng/khách hàng có nhu cầu.
- Hoạt động phân tích, theo dõi thị trường: thiết lập danh mục chứng khoán giá trị cao theo tiêu chuẩn NVB để thực hiện đầu tư, tín dụng, cấu trúc. Xây dựng các bộ chỉ số chứng khoán theo ngành, nhóm doanh nghiệp theo nhu cầu đầu tư, giao dịch, tín dụng, phát triển khách hàng.

3.10. Hoạt động ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- Duy trì và cải thiện hệ thống IT đã đầu tư và vận hành, từng bước triển khai dự án Core Banking mới và các cổng kết nối thanh toán trung gian.
- Chuẩn hoá công nghệ thông tin theo hướng đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển kinh doanh của toàn hệ thống.
- Thay đổi giao diện và bổ sung nội dung hệ thống Website, cải tiến mail nội bộ phục vụ điều hành kinh doanh.
- Xây dựng Datacenter mới tại tòa nhà Sương Nguyệt Ánh dự kiến chuyển đổi cơ sở dữ liệu và hệ thống máy chủ về Sương Nguyệt Ánh (tiếp tục triển khai năm 2014).

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014.

1. Chiến lược kinh doanh năm 2014 – 2018.

- Căn cứ vào chỉ đạo của HĐQT, BĐH đã tổ chức kết hợp giữa các đơn vị trên toàn hệ thống xây dựng thành công chiến lược kinh doanh 2014-2018, tập trung xây dựng Ngân hàng kinh doanh, ngân hàng bán lẻ & tiêu dùng, Khách hàng doanh nghiệp lớn có chọn lọc với định hướng hành động năm 2014 chuẩn hóa toàn diện các hoạt động ngân hàng, năm 2015 định vị thành công sản phẩm và thương hiệu NAVIBANK, phân đầu năm 2018 dẫn đầu thị trường trên phân khúc khách hàng mục tiêu đã chọn lọc của

NAVIBANK.

- Song hành các hoạt động kinh doanh NAVIBANK lấy công tác xây dựng văn hóa kỷ luật Dạy-học, phục vụ khách hàng hiệu quả trên từng phân khúc, xây dựng năng lực phục vụ khách hàng tiêu dùng, khách hàng kinh doanh, doanh nghiệp có chọn lọc, tạo nên sự đam mê đi đầu trong chất lượng, sáng tạo và tinh thần phục vụ. Tất cả vì mục tiêu chiến lược *"Trở thành ngân hàng bán lẻ hiệu quả nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng (nhà và xe) và Ngân hàng phục vụ kinh doanh với giải pháp tài chính ngắn hạn và trung hạn linh hoạt, đồng hành cùng với sự phát triển của khách hàng qua dịch vụ tư vấn hoàn hảo."*
- Các hoạt động của NAVIBANK giai đoạn 2014-2018 dựa trên các nguyên tắc: quản lý khách hàng hiệu quả, chăm sóc khách hàng chu đáo và xây dựng sản phẩm đặc thù.

2. Định hướng chung năm 2014.

- Tăng trưởng quy mô Tổng tài sản lên xấp xỉ 33,000 tỷ, tiếp tục cấu trúc các chỉ số khác về ngưỡng an toàn theo quy định.
- Xác định rõ phân khúc thị trường, khách hàng mục tiêu.
- Chuyển đổi bộ nhận diện thương hiệu mới, chuẩn hóa các giao diện trên các kênh bán hàng.
- Đầu tư và vận hành hệ thống core mới, Ebanking.
- Tái cấu trúc Sở Giao dịch, Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Hải Phòng.
- Triển khai CRM đơn giản và quản lý bán hàng, vận hành hệ thống giám sát KPI.
- Hoàn thiện bộ sản phẩm cho phân khúc thị trường, khách hàng mục tiêu, xây dựng sản phẩm đặc thù.
- Hoàn thiện hệ thống tuyển dụng, đánh giá nhân sự. Củng cố bộ máy tổ chức, các vị trí chủ chốt toàn hệ thống, sàng lọc, đào tạo, xây dựng đội ngũ chất lượng cao đáp ứng chiến lược 2014-2018.
- Cấu trúc và xử lý nợ, tỷ lệ nợ xấu về ngưỡng 3%.
- Xây dựng và triển khai bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ cho tất cả các mảng hoạt động.
- Xây dựng văn hóa tổ chức Thân thiện – Chuyên nghiệp – Sáng tạo – Hiệu quả – Liêm chính. Thực thi nghiêm minh kỷ luật lao động, thay đổi lề thói làm việc của hệ thống
- Xây dựng và thực hiện các chính sách quản lý khách hàng và chăm sóc khách hàng hiệu quả.

3. Kế hoạch tài chính.

STT	Chỉ tiêu	TH2013	KH2014	KH2014 sv TH2013
1	Vốn điều lệ	3.010.216	4.510.216	149,8%
2	Tổng tài sản	29.074.356	33.469.236	115,12%
3	Huy động vốn	25.512.673	28.253.797	110,74%
3.1	Thị trường 1	20.504.119	23.710.000	115,64%
	Tỷ trọng nội tệ	89,44%	90,00%	
	Tỷ trọng ngắn hạn	77,28%	75,00%	
	Tỷ trọng khách hàng cá nhân	87,38%	70,00%	
3.2	Thị trường 2	5.008.554	4.543.797	90,72%
4	Dư nợ tín dụng	14.100.586	23.020.495	163,26%
4.1	Thị trường 1	13.475.390	19.711.630	146,28%

	Tỷ trọng nội tệ	89,95%	90,00%	
	Tỷ trọng ngắn hạn	55,50%	65,00%	
	Tỷ trọng khách hàng cá nhân	27,41%	30,00%	
4.2	Thị trường 2	625.196	3.308.865	529,25%
5	Tỷ lệ nợ xấu	6,07%	3,00%	
6	Lợi nhuận trước thuế	23.921	96.324	402,68%

3.1. Tổng tài sản.

- Tổng tài sản theo kế hoạch của Ngân hàng đến 31/12/2014 đạt 33.469.236 triệu Đồng, tăng hơn 4.394.880 triệu Đồng so với năm 2013, trong đó tài sản có sinh lời trên tổng tài sản đạt tỷ trọng tối thiểu 85%.

3.2. Huy động vốn.

- Nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đến 31/12/2014 ước tính đạt khoảng 23.710.000 triệu Đồng, tăng gần 15,64% so với năm 2013. Theo đó, Ngân hàng sẽ tập trung đẩy mạnh huy động vốn trên tất cả các phân khúc khách hàng đại chúng, có thu nhập khá trở lên, đồng thời kết hợp triển khai bán chéo qua SMEs, KHDN lớn và xây dựng các chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp với từng phân khúc
- Nguồn vốn huy động từ tổ chức tín dụng sẽ được Ngân hàng cân đối thu nhập, chi phí và sẽ duy trì ở mức độ hợp lý nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản cho các hoạt động của Ngân hàng hoặc dùng để kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng.

3.3. Dự nợ tín dụng.

- Dự nợ tín dụng đối với đối tượng tổ chức kinh tế và dân cư của NAVIBANK dự kiến đến 31/12/2014 đạt khoảng 19.711.630 triệu Đồng, tăng khoảng 6.236.240 triệu Đồng so với năm 2013.
- Dự nợ tín dụng của NAVIBANK sẽ phân loại khách hàng như sau:
 - + Đối với khách hàng cá nhân: thúc đẩy tăng trưởng tín dụng đối với khách hàng sản xuất kinh doanh (kinh doanh đối với các mặt hàng thiết yếu, đại lý theo chuỗi khách hàng, ...), khách hàng tiêu dùng có các nguồn thu nhập ổn định (đối tượng công chức có thu nhập khá giả, cán bộ nhân viên làm trong các doanh nghiệp kinh doanh ổn định, chủ doanh nghiệp tư nhân/hộ kinh doanh, ...)
 - + Đối với khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ: triển khai hiệu quả các chiến dịch thu hút nhằm mở rộng, tăng trưởng tín dụng đối với các khách hàng uy tín, lành mạnh tại nơi Ngân hàng đặt chi nhánh.
 - + Đối với khách hàng doanh nghiệp lớn: tập trung khai thác triệt để khách hàng hiện hữu đảm bảo gia tăng thu nhập từ hoạt động phi tín dụng, bên cạnh đó mở rộng khách hàng có chọn lọc tập trung theo định hướng của Ngân hàng.

3.4. Kinh doanh tiền tệ.

- Tập trung nguồn vốn vào đầu tư trái phiếu chính phủ.
- Hoạt động kinh doanh tiền gửi liên ngân hàng (MM) chủ yếu để phục vụ lấy nguồn, tài trợ cho danh mục Trái Phiếu.
- Đa dạng hóa danh mục đầu tư trái phiếu, đầu tư thêm trái phiếu chính phủ bảo lãnh.
- Tăng cường hoạt động tự doanh ngoại tệ, bổ sung thêm kinh doanh các cặp ngoại tệ mạnh, bên cạnh đó triển khai trading swap.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tiền tệ:

Chỉ tiêu	KH2014				Tổng cộng
	Quý I	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
Lợi nhuận từ Trái phiếu	17,139	18,345	17,938	17,297	70,719
- Lợi nhuận từ danh mục cũ	11.124	11.124	11.124	11.124	44,496
- Lợi nhuận từ phần đầu tư mới	6,015	7,211	6,814	6,174	26,224
Lợi nhuận từ Kinh doanh ngoại hối	4,179	4,545	4,918	4,932	18,575
- Lợi nhuận từ Ngoại tệ khác/VND	927	1,042	1,156	1,317	4,442
- Lợi nhuận từ kinh doanh FX Swap	252	503	762	615	2,132
- Lợi nhuận từ kinh doanh G7	3,000	3,000	3,000	3,000	12,000
TỔNG LỢI NHUẬN	21,318	22,890	22,856	22,229	89,294

3.5. Hiệu quả hoạt động.

- Chính sách tiền tệ được dự báo sẽ nói lỏng hơn vào năm 2014, tuy nhiên vẫn phải duy trì nhiệm vụ kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Theo đó, năm 2014, ngành Ngân hàng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và NAVIBANK cần tập trung hơn nữa vào công tác tái cấu trúc toàn diện ngân hàng nhằm tạo nền móng thật vững chắc. Trước tình hình trên, năm 2014, NAVIBANK không đặt chỉ tiêu lợi nhuận cao, chỉ ước đạt 96.324 triệu Đồng lợi nhuận trước thuế, tăng hơn 72.447 triệu Đồng so với năm 2013.

4. Định hướng quản trị

4.1. Quản trị tài chính.

- Tiếp tục kiểm soát chi phí hoạt động theo định hướng tập trung và điều chỉnh định mức chi phí. Đảm bảo tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập. Ưu tiên chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, tiết kiệm tối đa chi phí gián tiếp.
- Định hướng quản lý tập trung (đối với kế toán) về nghiệp vụ chi tiết, chính sách, chế độ, báo cáo... Phát huy vai trò kiểm soát, phê duyệt việc sử dụng chi phí của đơn vị đầu mối. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của việc sử dụng chi phí tại các đơn vị nhằm đảm bảo tính hợp lệ và chống lãng phí.
- Tổ chức đánh giá, lựa chọn phương án tối ưu giữa mua sắm hoặc thuê tài sản nhằm giảm thiểu chi phí khấu hao, bảo trì, bảo dưỡng. Khai thác tối đa công suất các tài sản hiện hữu, tận dụng mọi mặt bằng còn trống để gia tăng hiệu suất sử dụng tài sản.
- Triển khai công tác tái cấu trúc danh mục và công tác cấu trúc vốn đối với các công ty con và công ty liên kết. Đảm bảo hoạt động các công ty con, công ty liên kết bám sát lĩnh vực kinh doanh chính. Mở rộng các hoạt động khác cần thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, đủ năng lực, đảm bảo kiểm soát tốt.
- Triển khai đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, repo trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ ngân hàng đầu tư. Đa dạng hóa danh mục đầu tư trái phiếu, đầu tư thêm trái phiếu chính phủ bảo lãnh. Kế hoạch lợi nhuận từ việc đầu tư trái phiếu năm 2014 là đạt khoảng 25.000 triệu Đồng.

4.2. Quản trị điều hành.

- Triển khai hệ thống đánh giá kết quả công việc đối với cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng (KPI). Bên cạnh đó, tái đánh giá và điều chỉnh nhân sự phù hợp với năng lực, chuyên môn để phát huy cao nhất sức mạnh tập thể. Tiếp tục chăm sóc đời sống cán bộ nhân viên, hài hòa lợi ích vật chất và sinh hoạt tinh thần. Mở rộng chương trình đào tạo song hành việc tăng cường kiến thức chuyên môn với việc nâng cao tính tuân thủ, tác phong, đạo đức nghề nghiệp.
- Tiếp tục triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống mô hình tái cấu trúc. Theo dõi, đánh giá

việc vận hành mô hình tái cấu trúc để kịp thời chuẩn hóa mô hình phát huy thế mạnh, chỉnh sửa bổ sung các khiếm khuyết. Nghiên cứu, xây dựng và cải tiến Quy chế tổ chức hoạt động bộ máy Ngân hàng theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và định hướng phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Tiếp tục cải tiến các quy định, quy trình giao dịch, thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, rút ngắn thời gian xử lý. Xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá và chế tài đối với các đơn vị trong quá trình triển khai hoạt động.

5. Hoạt động khác.

5.1. Nâng cao chất lượng dịch vụ và vận hành.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm duy trì và phát triển hệ thống khách hàng ổn định. Xây dựng văn hóa bán hàng và phát triển dịch vụ chuyên nghiệp, thu hút khách hàng đến giao dịch bằng chất lượng sản phẩm và cung cách phục vụ. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ phi tín dụng (thanh toán, thu chi hộ, tài trợ thương mại, bảo lãnh...).
- Khai thác sâu và tập trung khai thác vào thị phần ví tiền của khách hàng được định hướng về huy động, cho vay của Ngân hàng trong năm 2014. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm mục đích đẩy mạnh hoạt động bán chéo, bán kèm sản phẩm dịch vụ phi tín dụng với các sản phẩm dịch vụ tín dụng.
- Tiếp tục cải tiến biểu phí của Ngân hàng đảm bảo phù hợp, tận thu đối với từng khách hàng quan trọng hoặc từng phân khúc khách hàng dựa trên nguyên tắc: Về tổng thể, khách hàng/phân khúc khách hàng đó đem lại lợi ích cho Ngân hàng.
- Tập trung nghiên cứu, tổ chức triển khai quy mô, đồng bộ và hiệu quả các chính sách, chương trình tài trợ thương mại nhằm đảm bảo tăng nhanh, mạnh nguồn thu từ thanh toán quốc tế.

5.2. Marketing và xây dựng hình ảnh.

Việc phát triển và gắn kết hình ảnh, thương hiệu Ngân hàng với cộng đồng được xem như một nhiệm vụ tiên quyết hàng đầu trong giai đoạn cạnh tranh hiện nay. Theo đó, năm 2014, NAVIBANK dự kiến sẽ thực hiện các hoạt động cụ thể sau:

- Hoàn thành dự án thay đổi nhận diện thương hiệu mới trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, khuyến mại nhằm gia tăng độ nhận biết thương hiệu của Ngân hàng đến với khách hàng.
- Tăng cường tập trung triển khai các chương trình khuyến mãi phong phú, hấp dẫn và phù hợp đối với nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu của Ngân hàng.
- Tiến hành triển khai các hoạt động tiếp thị trực tiếp, truyền thông nhằm tiếp tục duy trì và nâng cao uy tín, khả năng nhận biết thương hiệu trong cộng đồng.

5.3. Phát triển sản phẩm đặc thù.

- Thị trường miền Bắc: Làng nghề: Sản xuất – kinh doanh; Nhà phân phối: tiêu dùng, vật liệu, thiết bị; Sản xuất và kinh doanh ngành nhựa; Nhà thầu xây dựng.
- Thị trường miền Trung: Bán lẻ, chợ; Dịch vụ du lịch.
- Thị trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Chế biến, xuất khẩu café, tiêu
- Thị trường Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ: Sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu; Trồng, khai thác, phân phối cao su, điều; Nhà thầu xây dựng.
- Thị trường Tây Nam Bộ: Kinh doanh, Chế biến và xuất khẩu gạo; Chế biến, xuất khẩu Thủy sản.

5.4. Tăng cường liên minh liên kết

- Chính thức quy định sự hợp tác chéo giữa các đơn vị nhằm tăng cường tìm kiếm khách hàng mới và bán chéo sản phẩm, phân khúc khách hàng, kênh phân phối và vùng
- Giải pháp phối hợp và tích hợp theo chiến lược phân phối
- Hiệu chi tiết phân khúc khách hàng theo cấp độ dựa vào “Cái làm khách hàng thỏa mãn nhất”
- Xây dựng định vị giá trị khác biệt cho từng phân khúc khách hàng – Hải lòng về chi phí bỏ ra và dịch vụ mang lại
- Kết hợp chặt chẽ với định vị giá trị khách hàng để mang đến giá trị vượt trội so với đối thủ.

5.5. Phát triển mạng lưới

- Năm 2014, NAVIBANK định hướng sẽ tiếp tục tập trung củng cố, nâng cao năng lực cạnh tranh của các điểm giao dịch hiện tại và phát triển thêm một số điểm giao dịch tại các địa bàn trọng điểm, cụ thể:
 - + Nâng cấp 04 Phòng Giao dịch liền kề thành Chi nhánh (02 Phòng giao dịch đặt tại các tỉnh Thái Bình, Quảng Ninh trực thuộc Chi nhánh Hải Phòng và 02 Phòng giao dịch đặt tại các tỉnh Đồng Tháp, Hậu Giang trực thuộc Chi nhánh Cần Thơ) theo đúng tinh thần Quyết định 13/2008/QĐ-NHNN
 - + Nâng cấp 02 Quỹ tiết kiệm lên thành Phòng Giao dịch: Quỹ tiết kiệm Phương Liên trực thuộc Chi nhánh Hà Nội và Quỹ tiết kiệm Nguyễn Huệ trực thuộc Chi nhánh Vĩnh Long.
- Nâng cấp 04 Phòng Giao dịch có quy mô lớn tại 04 Khu vực (Đông, Tây, Nam và Bắc) tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thành 04 Chi nhánh tạo thuận tiện trong công tác quản lý, điều hành.
- Nâng cấp 03 Phòng Giao dịch có quy mô lớn tại địa bàn Thành phố Hà Nội thành 03 Chi nhánh tạo thuận tiện trong công tác quản lý, điều hành.
- Phát triển thêm một số đơn vị tại các địa bàn trọng điểm, theo kế hoạch chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.
- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch chi tiết trình Hội đồng Quản trị và Ngân hàng Nhà nước công tác thực hiện triển khai thay đổi địa điểm trụ sở chính của Ngân hàng từ Tp. Hồ Chí Minh về Hà Nội.

5.6. Quản trị tín dụng phù hợp.

- Xây dựng cơ chế, văn hoá trao đổi hai chiều nhằm cơ cấu khoản vay, điều kiện quản lý giữa các Ban tín dụng, đơn vị kinh doanh;
- Đơn giản hoá các bước trong thủ tục phê duyệt giải ngân;
- Giám sát, kiểm tra và tăng cường phân quyền giải ngân cho các cá nhân để thúc đẩy hoạt động bán lẻ.
- Tăng cường công tác quản lý khoản vay nhằm đảm bảo tuân thủ các điều kiện phê duyệt;
- Quản lý chặt chẽ việc luân chuyển và lưu trữ hồ sơ

5.7. Tăng cường hoạt động kinh doanh thẻ.

- Triển khai phát triển các sản phẩm và dịch vụ thẻ mới (thẻ Visa, thẻ Master, ...). Bên

cạnh đó, mở rộng các kênh giao dịch, trang bị thêm ATM và POS, phát triển thêm các hoạt động liên kết, đồng thương hiệu về sản phẩm dịch vụ thẻ.

- Triển khai hoàn thiện dự án đồng bộ thông tin, dữ liệu về sản phẩm và dịch vụ thẻ vào hệ thống Core banking của Ngân hàng.

5.8. Đổi mới công nghệ, corebanking.

- Tiếp tục triển khai hoàn thành các dự án đang thực hiện: Chuyển đổi hệ thống Core Banking mới, Triển khai đầu tư E banking; Website mới; Data center; Hệ thống E gateway; Mail exchange; CRM đơn giản; Nâng cấp hệ thống thẻ, Đổi mới hệ thống PC...
- Từng bước nâng cấp, cải tiến hoàn thiện các chương trình đang sử dụng để ngày càng tạo tiện ích cho khách hàng, nhân viên sử dụng. Nâng cao tính sẵn sàng của hệ thống, đảm bảo hệ thống phục vụ xuyên suốt và giảm thiểu rủi ro phát sinh. Nâng cao tính an toàn, bảo mật, chống xâm nhập, tấn công từ bên ngoài hay bên trong nội bộ, đảm bảo an toàn dữ liệu và tài sản.
- Chuẩn hoá công nghệ thông tin theo hướng đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển kinh doanh của toàn hệ thống. Nâng cấp và cải tiến hệ thống Internet Banking tạo nền tảng phục vụ đặc lực cho việc thanh toán không dùng tiền mặt.

Cải tiến, phát triển các báo cáo quản trị đảm bảo tính hữu dụng, kịp thời và chính xác.

Với những thành quả đạt được trong năm 2013, NAVIBANK đã thể hiện được chiến lược kinh doanh hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với diễn biến của thị trường. Đó là nền tảng vững chắc để NAVIBANK tiếp tục phát huy lợi thế, tạo những bước đột phá mới trong những năm tiếp theo. Năm 2014 sẽ tiếp tục là một năm đầy thử thách, khó khăn đối với ngành ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Nhận thức được điều đó toàn thể Ban điều hành và các cán bộ nhân viên của NAVIBANK cam kết sẽ nỗ lực hết mình, tự tin vượt qua thách thức và hoàn thành các nhiệm vụ mới đã đặt ra trong năm 2014.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NAM VIỆT**

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 12

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt trước đây có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên, là Ngân hàng Cổ phần được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005193 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang), giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 05 năm 2013.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty con là Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Nam Việt Ngân hàng, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 21/08/2013) với mức vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Nam Việt và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 3.010.215.520.000 đồng.

Hoạt động chính của Ngân Hàng bao gồm:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Hùn vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Mã chứng khoán niêm yết: NVB

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 3-3A-3B và số 5 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM. Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 1 Sở giao dịch, 19 chi nhánh, 68 phòng giao dịch và 2 quỹ tiết kiệm. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông VŨ HỒNG NAM	Chủ tịch	26-04-13	
Ông NGUYỄN VĂN THỌ	Phó Chủ tịch	25-10-10	
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Thành viên	26-04-13	
Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Thành viên	25-10-10	
Ông MUKESH LALITSHANKER SHARDA	Thành viên độc lập	26-04-13	
Ban kiểm soát			
Bà DƯƠNG THỊ LỆ HÀ	Trưởng ban	26-04-13	
Bà NGÔ THỊ PHƯƠNG THÚY	Phó ban	25-10-10	
Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH	Thành viên	25-10-10	
Ông LÊ TRỌNG HIẾU	Thành viên	25-10-10	
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Bà TRẦN HẢI ANH	Tổng Giám đốc	21-02-14	
Ông ĐẶNG QUANG MINH	Quyền Tổng Giám đốc	10-06-13	21-02-14
Ông LÊ QUANG TRÍ	Tổng Giám đốc		10-06-13
Ông CAO KIM SƠN CƯỜNG	Phó Tổng giám đốc		21-10-13
Ông NGUYỄN GIANG NAM	Phó Tổng giám đốc	20-06-06	
Ông NGUYỄN HỒNG SƠN	Phó Tổng giám đốc		30-12-13
Ông NGUYỄN CAO HỮU TRÍ	Phó Tổng giám đốc	06-05-11	
Ông VÕ VĂN CƯỜNG	Phó Tổng giám đốc	16-09-13	
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó Tổng giám đốc	11-11-13	
Ông BÙI QUỐC KHÁNH	Phó Tổng giám đốc	18-12-13	
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Phó Tổng giám đốc	06-02-13	
Ông NGUYỄN CHÍ TRUNG	Phó Tổng giám đốc	23-05-13	
Ông HUỖNH VĂN PHÁT	Kế toán trưởng	10-09-09	

4 Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) được chỉ định là kiểm toán viên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Ngân hàng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



TRẦN HẢI ANH

American Auditing

Số: 084/2013/HN-AA BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt ("Ngân hàng"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2014, từ trang 5 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 22 tháng 04 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN



BÙI VĂN BỒNG

Số GCNĐKHKT: 0177-2013-070-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2014



LÊ VĂN THANH

Số GCNĐKHKT: 0357-2013-070-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	177.721.241.239	200.573.563.267
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	1.080.116.284.019	1.290.054.348.050
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	V.03	4.956.952.362.625	369.714.803.151
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		4.336.445.498.041	45.965.438.567
2. Cho vay các TCTD khác		625.195.833.334	326.195.833.334
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(4.688.968.750)	(2.446.468.750)
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		3.354.992.208	252.150.065
VI. Cho vay khách hàng		13.266.269.639.456	12.667.121.730.479
1. Cho vay khách hàng	V.04	13.475.390.082.499	12.885.655.393.495
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.05	(209.120.443.043)	(218.533.663.016)
VII. Chứng khoán đầu tư	V.06	3.786.178.681.170	2.510.202.448.554
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.644.975.377.772	810.202.448.554
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.141.203.303.398	1.700.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.07	972.542.944.565	698.842.944.565
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		977.215.000.000	703.515.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.672.055.435)	(4.672.055.435)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
IX. Tài sản cố định		1.044.268.497.431	163.463.186.237
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	211.080.292.394	96.544.766.279
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		272.665.419.047	155.835.368.527
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(61.585.126.653)	(59.290.602.248)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.09	833.188.205.037	66.918.419.958
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		840.340.199.321	72.988.404.802
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(7.151.994.284)	(6.069.984.844)
X. Bất động sản đầu tư		-	-
XI. Tài sản có khác	V.10	3.786.951.429.923	3.684.988.824.013
1. Các khoản phải thu	V.10.1, 2	901.166.404.190	2.152.930.443.583
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.231.536.690.184	1.324.903.888.571
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.10.3	654.248.335.549	207.154.491.859
- Trong đó: Lợi thế thương mại			
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		29.074.356.072.636	21.585.213.998.381

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.11	-	732.185.695.526
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.12	5.008.553.588.509	95.632.151.146
1. Tiền gửi của các TCTD khác		4.000.944.388.509	1.906.151.146
2. Vay các TCTD khác		1.007.609.200.000	93.726.000.000
III. Tiền gửi của khách hàng	V.13	18.376.936.452.995	12.272.866.399.410
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.14	96.769.845.348	292.408.547.137
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.15	2.127.182.931.198	4.805.692.887.702
VII. Các khoản nợ khác	V.16	261.375.901.042	201.519.879.538
1. Các khoản lãi, phí phải trả		191.555.545.185	167.455.544.838
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		68.601.992.649	32.272.515.325
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		1.218.363.208	1.791.819.375
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		25.870.818.719.092	18.400.305.560.459

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

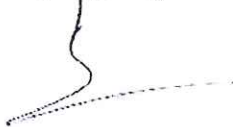
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
VIII. Vốn và các quỹ	V.17	3,203,537,353,544	3,184,908,437,922
1. Vốn của TCTD			
a. Vốn điều lệ		2,980,571,140,030	2,980,571,140,030
b. Vốn điều lệ NDCB		3,010,215,520,000	3,010,215,520,000
c. Thông lệ vốn có phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		(29,644,379,970)	(29,644,379,970)
g. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD		123,342,300,530	123,342,300,530
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		99,623,912,984	80,994,997,362
Lợi nhuận: lỗ năm nay		18,454,083,665	2,174,268,036
Lợi nhuận: lỗ năm trước		81,169,829,319	78,820,729,326
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		29,074,356,072,636	21,585,213,998,381

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	VIII.31	566,989,760,525	265,314,492,318
1. Bảo lãnh vay vốn		-	15,000,000,000
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		19,670,342,880	156,468,662,156
3. Bảo lãnh khác		547,319,417,645	93,845,830,162
II. Các cam kết đưa ra			
1. Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
2. Cam kết khác		-	-

Người lập bảng



Phạm Thị Liên

Kế toán trưởng



Huỳnh Vĩnh Phát

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2014



Tổng Giám đốc

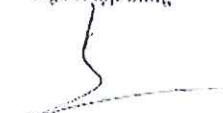
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	2.144.235.683,778	2.609.379.970,823
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	1.548.196.182,688	1.876.968.956,844
I. Thu nhập lãi thuần		596.039.501,090	732.411.013,979
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		16.428.185,903	25.898.457,769
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		16.619.311,709	16.426.587,393
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.20	(191,125,806)	9.471,870,376
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.21	9,455,438,427	(19,020,867,434)
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh			
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.22	293,237,554	(2,937,839,403)
5. Thu nhập từ hoạt động khác		96,151,323,979	23,909,532,656
6. Chi phí hoạt động khác		39,495,072,308	2,524,134,903
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.23	56,656,251,671	21,385,397,753
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.24	4,292,990,000	920,000,000
VIII. Chi phí hoạt động	VI.25	618,141,177,228	650,494,119,263
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		48,405,115,708	91,735,456,008
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		24,484,526,070	88,344,968,732
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		23,920,589,638	3,390,487,276
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		5,466,505,973	1,216,219,240
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.26	5,466,505,973	1,216,219,240
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		18,454,083,665	2,174,268,036

Người lập bảng



Phạm Thị Liên

Kế toán trưởng



Huỳnh Vĩnh Phát

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2014



Trần Hải Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.237.643.256.574	1.668.646.037.556
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(1.524.136.556.751)	(1.894.569.336.026)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(191.125.806)	9.472.200.376
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		9.748.675.981	(21.958.706.837)
05. Thu nhập khác		57.176.395.756	(203.486.441.352)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		6.500.000	-
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(603.371.995.311)	(472.457.253.681)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(114.991.961)	(39.687.835.111)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		(823.239.841.518)	(954.041.335.075)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.275.976.232.616)	(643.265.355.984)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(3.102.842.143)	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(589.734.689.004)	29.026.354.073
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(32.228.702.210)	53.841.658.114
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		811.447.432.158	(86.959.603.195)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(732.185.695.526)	680.947.632.575
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		4.912.921.437.363	(3.380.195.812.135)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		6.104.070.053.585	(2.549.416.289.327)
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(2.678.509.956.504)	4.545.995.012.502
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(195.638.701.789)	(81.605.152.863)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		37.201.280.135	(69.364.815.053)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	(29.428.535.385)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.535.023.541.931	(2.484.466.241.753)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(908.928.058.517)	(37.378.981.849)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.200.000	-
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(273.700.000.000)	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		4.292.990.000	920.000.000
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(1.178.333.868.517)	(36.458.981.849)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Có tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4,356,689,673,414	(2,520,925,223,602)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1,862,789,183,218	4,383,714,406,820
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	VII.27	6,219,478,856,632	1,862,789,183,218

Người lập bảng



Phạm Thị Liên

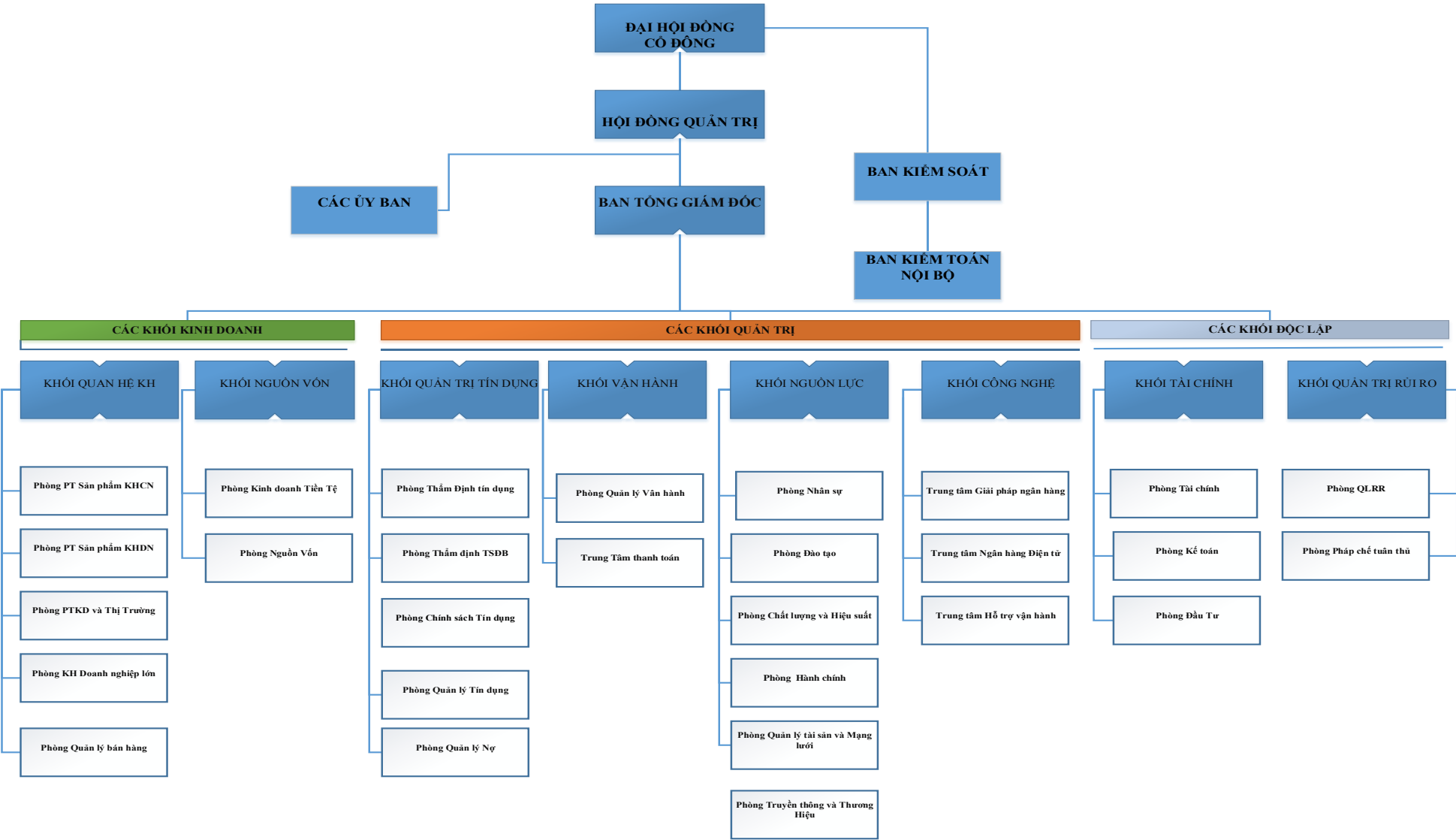
Kế toán trưởng



Huỳnh Vĩnh Phát



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG



I. Công tác quản trị nguồn nhân lực.

Số lượng cán bộ, nhân viên: tính đến 31/12/2013, có 17 người là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (trong đó có 10 người có trình độ trên Đại học và 07 người có trình độ Đại học) cùng 1.579 cán bộ nhân viên đang công tác tại Navibank, cụ thể:

Tiêu chí	2012	2013	Tăng/giảm
Tổng số	1.569	1.579	10
<i>Phân theo giới tính</i>			
Nam	713	733	20
Nữ	856	846	(10)
<i>Phân theo trình độ</i>			
Trên đại học	46	80	34
Đại học	1.060	1.106	46
Cao đẳng, Trung cấp	150	113	(37)
Lao động khác	313	280	(33)

II. Chính sách đối với người lao động.

Xác định yếu tố nhân lực là một trong các thế mạnh cạnh tranh cốt yếu, tài sản quý giá để tạo nên sự khác biệt của Navibank so với các đối thủ khác trong ngành, Navibank xem việc thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao là nhiệm vụ chiến lược của Ngân hàng. Chính sách nhân sự của Navibank là đặt mối quan hệ giữa Ngân hàng và người lao động là trung tâm với mục tiêu cao nhất là sự phát triển của Navibank luôn đồng hành với sự thỏa mãn về công việc và lợi ích của người lao động.

III. Chính sách thu hút nguồn nhân lực:

Nguyên tắc tuyển dụng của Navibank là lựa chọn những ứng viên tốt nhất vào vị trí phù hợp dựa trên phẩm chất, khả năng, thái độ, năng lực, kinh nghiệm của ứng viên mà không phân biệt tín ngưỡng, chủng tộc, tôn giáo hay giới tính. Với tiêu chí đó, Navibank hiện đang xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chất lượng cao, hội đủ các điều kiện về tâm – tầm – tài. Trong năm 2013, Navibank đã phát triển thành công chương trình thi tuyển dụng tự động trên máy tính. Điều này giúp cho Navibank kiểm tra, đánh giá được đồng thời kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng ứng dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ứng viên trong thời gian cho phép. Qua đó, giúp Navibank phát triển được một nguồn nhân sự đồng đều về trình độ, chuyên môn đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công khai và công bằng cho tất cả mọi ứng viên khi tham gia tuyển dụng tại Navibank.

IV. Chính sách đào tạo và phát triển:

Theo quan điểm quản lý nhân sự hiện đại: “Nếu thành công của con người được tính là 100%, thì 10% đến từ giáo dục, 20% đến từ mối quan hệ trong công việc và 70% kinh nghiệm của bản thân”. Dựa trên quan điểm này, công tác đào tạo nhân viên của Navibank nghiêng về phương diện rèn luyện kỹ năng, tư duy đột phá, khả năng ứng phó với các biến đổi của môi trường kinh

doanh để làm nên 80% thành công cho mỗi cá nhân trong tập thể Navibank. Con người là nguồn lực quý giá của Navibank, thành công của từng cá nhân cũng chính là thành công của Navibank.

Navibank tạo sự khác biệt trong công tác đào tạo thông qua việc luân chuyển nội bộ. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên có thể nắm được nhiều kỹ năng thực hành của các công việc khác nhau, hiểu được cách thức phối hợp thực hiện công việc giữa các bộ phận, nhân viên dễ dàng thích nghi với nhiều loại công việc, từ đó khả năng thăng tiến cũng tăng theo tương ứng. Điều này còn giúp họ có kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp. Với trang web nội bộ đào tạo trực tuyến cho nhân viên – Navibank Elearning đã được triển khai từ năm 2011, Navibank sẽ tiếp tục thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo trực tuyến về kỹ năng, nghiệp vụ cho nhân viên. Điều này sẽ giúp cho cán bộ, nhân viên Navibank không chỉ nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn giúp họ chủ động hơn về thời gian và địa điểm học tập nhằm phát huy tối đa năng lực học hỏi của mỗi người.

Bên cạnh các chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Navibank cũng tập trung xây dựng văn hóa hóa doanh nghiệp để hình thành một tập hợp các khuôn mẫu hành vi được áp dụng trong các mối quan hệ công việc, đảm bảo tạo sự thoải mái, vui vẻ và hài hòa trong quá trình làm việc giữa mọi người trong Ngân hàng.

V. Chế độ lương thưởng và các phúc lợi khác:

NCB duy trì một chính sách lương, thưởng cạnh tranh, cùng với các cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, luôn minh bạch và công bằng.

Bên cạnh chính sách đãi ngộ về tài chính, NCB còn có các gói phúc lợi và đãi ngộ phi tài chính hiệu quả đảm bảo cho cán bộ nhân viên sức khỏe, hạnh phúc và một tương lai tài chính ổn định lâu dài.

Chính sách đãi ngộ dành cho Cán bộ nhân viên (CBNV) chính thức của NCB gồm có:

- Lương
- Phụ cấp các loại.
- Chế độ phúc lợi: NCB tặng quà hoặc tiền mặt cho CBNV nhân ngày lễ, tết
- Lương kinh doanh: là phần thu nhập trên hiệu quả cho nhóm nhân viên trực tiếp kinh doanh theo chỉ tiêu được giao hàng tháng hoặc quý.
- Thưởng hiệu quả hàng năm: NCB trả thưởng hàng năm cho CBNV theo kết quả kinh doanh của ngân hàng và đánh giá hiệu quả làm việc của CBNV

Chính sách đãi ngộ phi tài chính dành cho cán bộ nhân viên (CBNV) chính thức của NCB như sau:

- Chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ;
- Chương trình nghỉ mát hàng năm.
- Chương trình teambuilding
- Ngoài ra, tại NCB, các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và các nhóm thành viên khác được tổ chức và hoạt động thường xuyên. Các chương trình sinh hoạt đoàn thể được tổ chức ngoài giờ làm việc góp phần tạo nên không khí vui tươi, thân thiện, sẻ chia cho cán bộ nhân viên NCB.
- Đặc biệt, các chương trình hoạt động cộng đồng mang tính nhân đạo xã hội cũng thường xuyên được tổ chức và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của cán bộ nhân viên NCB.

MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hội sở chính:	28 C,D Bà Triệu – phường Hàng Bài- quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội
KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH	
Sở giao dịch	3-5 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tell: 0838216216	Fax: 0839258581
PGD số 2	490 Ngô Gia Tự, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3927 3179	– Fax : 3927 3178
PGD số 3	Lô 9A Đường C Khu Công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3754 3145	– Fax : 3754 3146
PGD số 4	396-398 Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3862 3977	– Fax : 3862 3976
PGD số 5	05 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3960 9906	– Fax : 3960 9907
PGD số 9	157A-157B Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3962 6926	– Fax : 3962 6925
PGD số 12	161-163 Bình Phú, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 37 555 975	– Fax: 37 555 977
PGD số 23	48B Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3877 9077-76	– Fax : 3877 9078
PGD số 25	246 – 248 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3963 6997	– Fax : 3963 6995
PGD số 1	305 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3997 5947	– Fax : 3997 5936
PGD số 6	22A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh. Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3551 2021	– Fax : 3551 2022
PGD số 7	259 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3812 5352	– Fax : 3812 5351
PGD số 16	179 Tân Hương, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3559 4360	– Fax : 3559 4361
PGD số 17	246A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3512.8836	– Fax : 3512.8837
PGD số 18	458 – 460 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3812 6518	– Fax : 3812 6517
PGD số 19	100 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3989 9263	– Fax : 3989 9262
PGD số 20	2C Phan Đình Phùng, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3995 6427	– Fax : 3995 6426
PGD số 8	175 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3941 1554	- Fax : 3941 1600
PGD số 10	152 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3993 4318	– Fax : 3993 4347

PGD số 11	314 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3920 7445	- Fax : 3920 7447
PGD số 13	201 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3818 1545	- Fax : 3818 1544
PGD số 15	258 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3526 4909	- Fax : 3526 4908
PGD số 14	203 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3924 0545	- Fax : 3924 0544
PGD số 22	1114 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3773 3261	- Fax : 3773 3262
PGD số 24	1445 Khu phố Mỹ Toàn 1, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 5412 2636	- Fax : 5412 2635
PGD số 27	5-7 Trịnh Văn Cấn, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : 3915 1519	- Fax : 3915 1517
KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ	
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG	09 - 11 Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel : (0650) 3843 027	Fax : (0650) 3843 026
PGD số 1	33/22 - 34/22 Trần Hưng Đạo, KP Bình Minh 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel : (0650) 3737 837	Fax : (0650) 3796 189
PGD số 2	C222, Khu phố Bình Đức 1, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Tel : (0650) 363 6836	Fax : (0650) 363 6736
CHI NHÁNH VŨNG TÀU	153 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel : (064) 3574 745	Fax : (064) 3574 744
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	39 Khu phố 1 Đường 30/4, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel : (061) 394 0149	Fax : (061) 3940148
PGD số 1	593 Hùng Vương, Khu phố 3, Phường Xuân Hòa, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
Tel : (061) 3647 972	Fax : (061) 3647 974
CHI NHÁNH LONG AN	86 Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
Tel: (072) 3524 218	Fax: (072) 3524 217
PGD số 1	Lô 8, Đức Hòa Hạ, Khu Công nghiệp Tân Đức, Tỉnh Long An
Tel : (072) 3769 770	Fax : (072) 3769 771
CHI NHÁNH TIỀN GIANG	25 - 26 Ấp Bắc, Phường 04, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Tel : (073) 3975 963	Fax : (073) 3975 964
PGD số 1	15 Tỉnh lộ 868, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Tel: (073) 3 917 568	Fax: (073) 3 917 569

KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ	
CHI NHÁNH CẦN THƠ	257 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Tel : (0710) 3781 122	Fax : (0710) 3781 118
PGD Ninh Kiều	28 Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Tel : (0710) 3817 511	Fax : (0710) 3817 512
PGD Hậu Giang	1099 Hùng Vương, Phường Ngã Bảy, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
Tel : (0711) 3962 963	Fax : (0711) 3962 969
PGD Đồng Tháp	41-43 Lý Thường Kiệt, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Tel : (067) 3876 166	Fax : (067) 3876 167
CHI NHÁNH KIÊN GIANG	56 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Fax : (061) 3647 974	Fax : (077) 3921 011
PGD số 1	45 Cách Mạng Tháng Tám, P. Vĩnh Lợi, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Tel : (077) 3865 555	Fax : (077) 3864 695
PGD số 2	Áp Chòm Sao, Thị trấn Hòn Đất, Huyện hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang
Tel : (077) 3841 554	Fax : (077) 3841 937
PGD số 3	366 Nguyễn Trung Trực, Phường Vĩnh Lạc, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Tel : (077) 3924 642 (077) 3942 843	Fax : (077) 3924 633
PGD số 4	65 Phương Thành, Thị Xã Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang
Tel : (077) 3952 772 (077) 3952 868	Fax : (077) 3952 737
PGD số 5	40 Tổ 3, Khóm A, Thị trấn Tân Hiệp, Huyện Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang
Tel : (077) 3727 027	Fax : (077) 3727 017
CHI NHÁNH AN GIANG	312/5B Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Tel : (076) 385 5455	Fax : (076) 385 5779
CHI NHÁNH VĨNH LONG	Số 3D-3E Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Tel : (070) 386 8666	Fax : (070) 386 8667
QỦY TIẾT KIỆM SỐ 1	Số 107B Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Tel: (070) 3862 411	Fax: (070) 3862 412
CHI NHÁNH BẠC LIÊU	Số 123 Trần Huỳnh, Phường 7, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Tel : (0781) 3949 113	Fax : (0781) 3958 666
CHI NHÁNH CÀ MAU	137F Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Tel: (0780) 3581 667-68	Fax: (0780) 3581 669
KHU VỰC MIỀN TRUNG	
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	441 Lê Duẩn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 3651 666	Fax : (0511) 3651 667
PGD số 1	99 Núi Thành , Phường Hoà Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 3631 289	Fax : (0511) 3631 299
PGD số 2	46 Hùng Vương, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 3827 898	Fax : (0511) 3892 470
PGD số 3	46 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 3584 845	Fax : (0511) 3584 847
PGD số 4	173A Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 3842 113	Fax : (0511) 3842 551

PGD số 5	233 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 3898 881	Fax : (0511) 3898 882
PGD số 6	559 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Tel : (0511) 393 2990 - 91	Fax : (0511) 393 2937
CHI NHÁNH HUẾ	44 Đống Đa, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Tel : (054) 3840 999	Fax : (054) 3840 998
PGD số 1	271 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Tel : (054) 3571 911	Fax : (054) 3571 913
PGD số 2	166 Nguyễn Trãi, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Tel : (054) 3588585	Fax : (054) 3588587
KHU VỰC MIỀN BẮC	
CHI NHÁNH HÀ NỘI	20 Ngô Quyền – phường Tràng Tiền- quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội
Tel : (04) 3972 4643	Fax: (04) 3972 4642 - 47
PGD số 14	298 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3972 6860-61-62	Fax : (04) 3972 6863
PGD số 10	Số 8, Lô 11A, Khu Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3783 3180-81	Fax : (04) 3783 3182
PGD số 8	101-201 chung cư 5 tầng, lô số A2-DN1, KĐT Nghĩa Đô-Dịch Vọng, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3793 0940-41	Fax : (04) 793 0942
PGD số 4	81 Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3728 0863-64	Fax : (04) 3728 0865
PGD số 9	80 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3771 1075-76	Fax : (04) 3771 1077
PGD số 1	07 Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3513 1192	Fax : (04) 3513 1194
PGD số 2	93 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3537 7091-92	Fax : (04) 537 7093
PGD số 5	39 tổ 1C Đường Láng, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3564 0677-78	Fax : (04) 3564 0679
QTK số 1	198 Phố Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel: (043) 972 4886	Fax:
PGD số 17	97 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3665 8022-23	Fax : (04) 3665 8025
PGD số 16	168 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3872 7627-28	Fax : (04) 3872 7630
PGD số 11	385 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Tel : (0343) 355 2832-33	Fax : (0343) 355 2834

PGD số 3	14 Hàng Cót, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3928 4982-83	Fax : (04) 3928 4984
PGD số 6	41 Bát Đàn, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel : (04) 3923 3258-59	Fax : (04) 3923 3257
CHI NHÁNH BẮC NINH	18-20-22 Đường Nguyễn Cao, phường Tiền An, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Tel : (0241) 3634 726	Fax : (0241) 3634 728
PGD số 1	10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiền An, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Tel: (0241) 3893 002	Fax : 0241) 3893 005
CHI NHÁNH BẮC GIANG	Lô 02 Nhà số 09, Đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Tel : (0240) 3824 579-80-81	Fax : (0240) 3824 582
CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN	44A Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Tel : (0280) 3750 970-71-72	Fax : (0280) 3750 973
CHI NHÁNH HƯNG YÊN	Ngã Tư Phó Bàn, Thị trấn Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
Tel : (0321) 3742 039-40-41	Fax : (0321) 3742 042
PGD số 1	94 Đường Diên Biên 1, Phường Lê Lợi, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
Tel : (0321) 354 2222	Fax : (0321) 354 2223
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	326 - 328 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: (0313) 847 866	Fax: (0313) 847 896
PGD số 1 – NCB Hải An	52 Ngô Gia Tự, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
ĐT: (0313)559 096	Fax:(0313)559 095
PGD số 2 – NCB Lê Chân	278M Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT:(0316) 255 658	Fax: (0316) 255 659
PGD số 3 – NCB Hồng Bàng	155 Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
ĐT: (0313) 521 066	Fax: (0313) 521 065
PGD số 4 – NCB Ngô Quyền	9F Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
ĐT: (0313) 757 066	Fax: (0313) 757 065
PGD số 6	29 Minh Khai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: (0313) 747 958	Fax: (0313) 747 959
PGD số 5 – NCB Quảng Ninh	Tổ 41, Khu 3, Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
ĐT: (0333) 811 118	Fax: (0333) 823 228
PGD số 9 – NCB Thái Bình	458 Lý Bôn, Phường Đề Thám , TP Thái Bình , Tỉnh Thái Bình
ĐT: (0363) 643638	Fax: (0363) 643639